

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG
KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH
CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ
CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5100174626 do Sở kế hoạch và
Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2003, đăng ký thay đổi
lần thứ sáu ngày 06 tháng 07 năm 2015)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số...85.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban
Chứng khoán Nhà nước cấp ngày .20... tháng .10.... năm 2015)



NẠM MU

TỔ CHỨC CHÀO BÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

Tel: (84 - 219) 3 827 276 Fax: (84 - 219) 3 827 276



ANPHAT
securities

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, số 30-32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3941 0277 Fax: (84-4) 3941 0323

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát và Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu
từ ngàythángnăm 2015

Phụ trách công bố thông tin:

Ông: Trần Thanh Hà – Kế toán trưởng - Điện thoại: (84 - 219) 3 827 276

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5100174626 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 06 tháng 07 năm 2015)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	: HJS
Mệnh giá	: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần
Giá bán	
• Cho Cổ đông hiện hữu	: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán	: 5.999.993 cổ phần
• Trả cổ tức năm 2013	: 1.499.998 cổ phần
• Trả cổ tức năm 2014	: 1.499.998 cổ phần
• Chào bán cho Cổ đông hiện hữu	: 2.999.997 cổ phần
Tổng giá trị chào bán	: 59.999.930.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Địa chỉ : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3 824 1990 Fax: (84-4) 3825 3973

Website : www.aasc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN



Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

Địa chỉ : Tầng 5, số 30-32 Hòa Mã, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3941 0277 Fax: (84-4) 3941 0323

Website : www.apsi.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	- 5 -
1.	Rủi ro về kinh tế.....	- 5 -
2.	Rủi ro về luật pháp	- 7 -
3.	Rủi ro đặc thù.....	- 7 -
4.	Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	- 8 -
5.	Rủi ro pha loãng.....	- 8 -
6.	Rủi ro khác.....	- 10 -
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	- 11 -
1.	Tổ chức chào bán	- 11 -
2.	Tổ chức tư vấn.....	- 11 -
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	- 12 -
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN.....	- 13 -
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	- 13 -
2.	Cơ cấu tổ chức công ty	- 15 -
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	- 16 -
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/04/2015 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.....	- 21 -
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc Cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	- 23 -
6.	Giới thiệu về Quá trình tăng vốn của Công ty	- 25 -
7.	Hoạt động kinh doanh.....	- 26 -
8.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất	- 35 -
9.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	- 37 -
10.	Chính sách đối với người lao động.....	- 41 -
11.	Chính sách cổ tức	- 42 -
12.	Tình hình tài chính	- 43 -
13.	Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	- 48 -
14.	Tài sản:	- 61 -
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:.....	- 61 -

16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	- 62 -
17.	Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch (trên thị trường có tổ chức).....	- 63 -
18.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán:	- 63 -
19.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán:.....	- 63 -
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	- 63 -
1.	Loại cổ phiếu:.....	- 63 -
2.	Mệnh giá:	- 63 -
3.	Tổng số cổ phần dự kiến chào bán:	- 63 -
4.	Giá chào bán dự kiến:	- 64 -
5.	Phương pháp tính giá:.....	- 64 -
6.	Phương thức phân phối.....	- 66 -
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu.....	- 66 -
8.	Đăng ký mua cổ phiếu và phương thức thực hiện quyền.....	- 67 -
9.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	- 69 -
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	- 69 -
11.	Các loại thuế có liên quan.....	- 70 -
12.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.	- 71 -
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	- 71 -
1.	Mục đích chào bán	- 71 -
2.	Phương án khả thi.....	- 72 -
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	- 72 -
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHÀO BÁN.....	- 73 -
1.	Tổ chức chào bán	- 73 -
2.	Tổ chức kiểm toán.....	- 73 -
3.	Tổ chức tư vấn.....	- 73 -
IX.	PHỤ LỤC	- 74 -

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

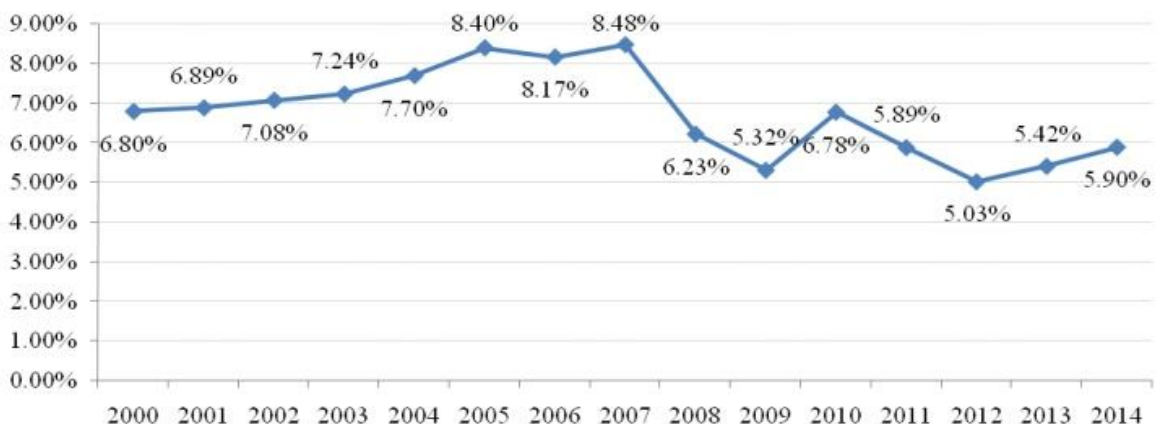
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh điện nên chịu tác động chủ yếu từ sự thay đổi của yếu tố thời tiết. Ngoài ra, là một Công ty Cổ phần hoạt động trong nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu tác động trực tiếp từ thay đổi của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng kinh tế, biến động của lạm phát và tỷ giá hối đoái....

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam đang bắt đầu bước vào giai đoạn phục hồi sau ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài từ năm 2008. Theo số liệu của *Tổng cục thống kê Việt Nam*, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2014 là 5,98%, 06 tháng đầu năm 2015 là 6,28%, là mức tăng trưởng cao nhất trong 05 năm qua. Với đà phục hồi trên, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia dự báo tăng trưởng GDP 9 tháng năm 2015 ở mức 6,3% và cả năm 2015 có khả năng ở mức 6,5%¹. Tuy nhiên, về cơ bản, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thủy điện ít chịu tác động từ chu kỳ của nền kinh tế mà chủ yếu phụ thuộc vào điều kiện thời tiết, độ ổn định của các nguồn nước. Theo Chiến lược phát triển ngành điện giai đoạn 2015 - 2026, định hướng đến năm 2035, nhu cầu về điện tăng ở mức trung bình khoảng 15%/năm, tổng công suất nguồn năm 2025 cần đạt 84.500 MW, năm 2035 cần đạt gần 150.000 MW, tương ứng với sản lượng điện sản xuất gần 400 - 760 tỷ kWh (nguồn: *Tổng công ty điện lực Việt Nam EVN*). Do đó, rủi ro về chu kỳ kinh tế đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu là không đáng kể.

Biểu đồ: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm (2000 - 2014)



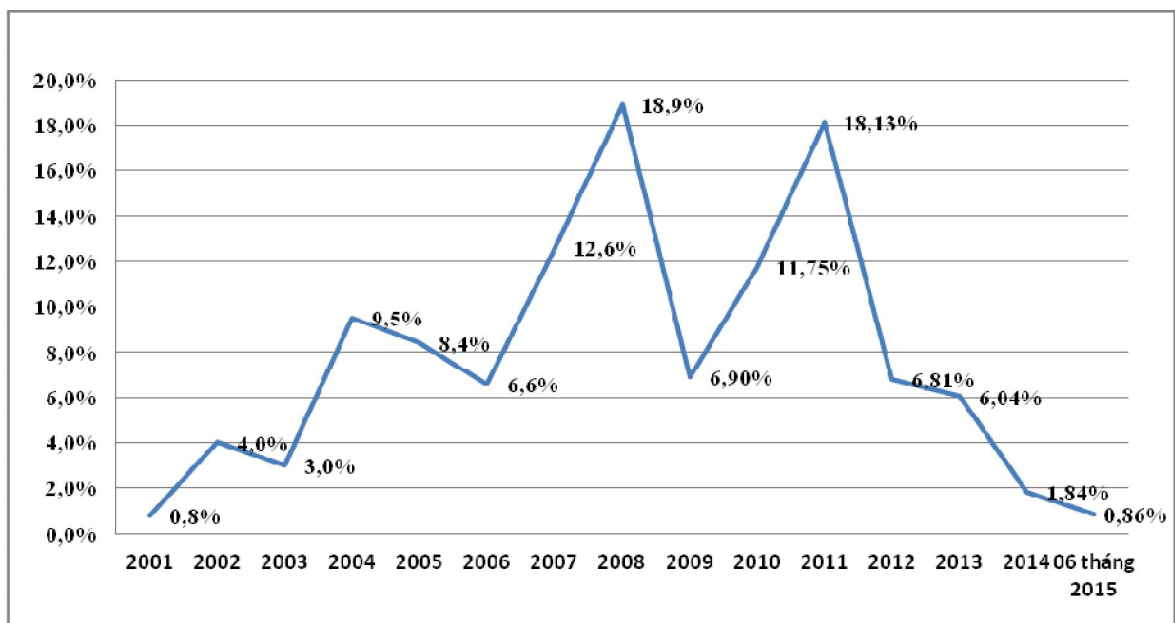
(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

¹ http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1539781?pers_id=2177092&item_id=174197947&p_details=1

Rủi ro về lạm phát

Một trong những thành công lớn nhất của chính sách vĩ mô trong năm 2014 là đã kiềm chế được lạm phát theo đúng mục tiêu đề ra. Chỉ số lạm phát năm 2014 thấp nhất trong vòng 15 năm qua ở mức 1,84%. CPI bình quân sáu tháng đầu năm 2015 so với cùng kỳ năm trước tăng 0,86%, bình quân mỗi tháng CPI chỉ tăng 0,1%; Sau 6 tháng CPI tăng 0,55% so với cuối năm 2014, như vậy, nếu không có những đột biến trong 6 tháng cuối năm, CPI năm 2015 sẽ đạt được mục tiêu đề ra của Quốc hội². Đây cũng là cơ sở để Ngân hàng nhà nước có thể tiếp tục giảm lãi suất trong thời gian tới nhằm thúc đẩy nền kinh tế, vượt qua khủng hoảng. Tuy nhiên, cũng như những phân tích nêu trên về đặc thù hoạt động của Công ty, có thể thấy hoạt động sản xuất kinh doanh điện thương phẩm của Công ty ít chịu tác động bởi biến động của lạm phát. Do vậy, rủi ro về lạm phát đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu là không đáng kể.

Biểu đồ: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm (2000 - 2014)



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Rủi ro về lãi suất

Tỷ trọng các khoản nợ phải trả chiếm phần lớn trong cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp. Việc sử dụng đòn bẩy tài chính lớn sẽ tiềm ẩn những rủi ro thanh toán khi hoạt động của doanh nghiệp bị ngưng trệ, không tạo ra được doanh thu và lợi nhuận để trả các khoản nợ đến hạn. Mặt khác, tình hình biến động lãi suất trong nền kinh tế thời gian vừa qua cho thấy lãi suất vẫn đang diễn biến phức tạp, mặc dù vẫn chịu sự kiểm soát vĩ mô của ngân hàng Nhà nước. Năm

² <http://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=382&ItemID=14366>

2015 và 2016 sẽ là nút thắt trong hoạt động của Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mu do số tiền trả lãi và gốc nợ Ngân hàng trong 02 năm nay sẽ là cao nhất. Lãi suất tăng làm tăng chi phí và giảm hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty sẽ tìm cách tái cấu trúc nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng vốn chủ sở hữu.

Rủi ro về tỷ giá

Năm 2014 được đánh giá là năm thành công trong bình ổn tỷ giá. Tỷ giá USD/VND năm 2014 chỉ tăng 1% trong cả năm vào ngày 19/6/2014 từ 21.036 đồng/USD lên 21.246 đồng/USD và hoàn toàn do NHNN chủ động với chủ ý hỗ trợ xuất khẩu trong 6 tháng cuối năm. Với chính sách ổn định tỷ giá và chủ động can thiệp khi cần thiết, chênh lệch giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá trên thị trường được thu hẹp và tình trạng hai tỷ giá dần được xóa bỏ. Trong năm 2015, NHNN đưa ra mục tiêu kiểm soát tỷ giá USD/VND tăng *không quá 2%* và cho biết, trong thời gian tới, Việt Nam đặt mục tiêu ổn định tiền Đồng và theo đuổi chính sách tiền tệ ổn định nhằm thúc đẩy tăng trưởng và kiểm soát giá cả. Giá bán điện thương phẩm trên các Hợp đồng mua bán điện của Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mu được tính theo đơn vị Việt Nam Đồng do đó, biến động về tỷ giá sẽ không tác động nhiều đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện tại hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân.... Tuy nhiên, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, do đó các luật và văn bản dưới Luật này sẽ có thể được chỉnh sửa cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những sự thay đổi này sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu luôn cập nhật các chính sách, văn bản pháp luật mới nhất nhằm triển khai thực hiện theo đúng các quy định pháp lý, hạn chế rủi ro về pháp lý có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh.

3. Rủi ro đặc thù

Điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Sản lượng và hiệu quả vận hành của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước. Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp

hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường xá, và các công trình đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Trong vài năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, điều kiện thời tiết tại các khu vực mà Công ty có nhà máy thủy điện diễn biến theo xu hướng không thuận lợi cho hoạt động của các nhà máy này, thường xuyên phải đối diện với nguy cơ xảy ra hạn hán trầm trọng và kéo dài, mùa mưa thường kết thúc sớm, mùa khô ít có những cơn mưa trái mùa, nhiệt độ trung bình trong các năm tăng tương đối cao, nhiệt độ trong mùa khô có thể lên đến 38 – 40 độ C. Những diễn biến bất lợi về thời tiết nói trên sẽ gây nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy thủy điện, đòi hỏi nhà máy phải nắm vững tình hình dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành lòng hồ, điều độ máy móc, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo suất tiêu hao nước/1kWh là thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng cần phải thực hiện các biện pháp phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đập, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào tình hình thị trường tại thời điểm chính thức chào bán, tâm lý của các nhà đầu tư, tính hấp dẫn của cổ phiếu Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phiếu dự định chào bán.

Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết số lượng cổ phiếu chào bán thêm, Công ty sẽ tiếp tục tổ chức chào bán cho các đối tượng khác theo những điều kiện không thấp hơn các điều kiện đã áp dụng cho các cổ đông đã phân phối theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 đề ra.

Tổng số vốn huy động trong đợt chào bán này được dùng để tái cơ cấu nguồn vốn và bổ sung nguồn vốn lưu động, tăng cường năng lực tài chính phục vụ công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.... Theo đó, tính rủi ro được đánh giá là không cao, chủ yếu đến từ hiệu quả hoạt động của Công ty trong tương lai.

5. Rủi ro pha loãng

Sau khi HJS chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phần lưu hành trên thị trường của HJS cũng tăng lên tương ứng.

- Tổng số cổ phần lưu hành hiện tại:	14.999.989 cổ phần
- Tổng số cổ phần chào bán	5.999.993 cổ phần
<i>Trong đó:</i>	
<i>Trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu</i>	1.499.998 cổ phần
<i>Trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu</i>	1.499.998 cổ phần
<i>Chào bán cho Cổ đông hiện hữu</i>	2.999.997 cổ phần
- Tỷ lệ pha loãng	40%
- Tổng số cổ phần lưu hành sau khi chào bán	20.999.982 cổ phần

Lượng cổ phần chào bán đợt này sẽ khiến cho tổng số cổ phần lưu hành của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu tăng lên đáng kể, điều này phần nào có thể làm giảm sự hấp dẫn của cổ phiếu HJS đối với nhà đầu tư và gián tiếp tạo nên hiệu ứng pha loãng giá.

Rủi ro pha loãng giá thị trường cổ phiếu của Công ty:

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2013, 2014 và quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho Cổ đông hiện hữu, giá thị trường của cổ phiếu HJS sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR}{1 + a + b}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành tăng vốn

PR_{t-1} : Giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền.

PR : Giá cổ phiếu phát hành thêm cho Cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/ cổ phiếu)

a : Tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm cho Cổ đông hiện hữu (20%)

b : Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2013 và năm 2014 (20%)

Giả sử tại ngày giao dịch liền kề trước ngày giao dịch không hưởng quyền (trả cổ tức năm 2013 và năm 2014 bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%/năm và phát hành cho Cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20%, giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu), giá thị trường cổ phiếu của công ty (PR_{t-1}) là 13.500 đồng/cổ phiếu thì giá tham chiếu (P_{tc}) tại ngày giao dịch không hưởng quyền (theo công thức trên) là 11.071 đồng/ cổ phiếu.

Do việc pha loãng giá cổ phiếu từ việc phát hành thêm cổ phiếu mới cho Cổ đông hiện

hữu với tỷ lệ 5:1 và trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2013 và năm 2014 với tỷ lệ 10%/năm, giá thị trường cổ phiếu của công ty được điều chỉnh từ 13.500 đồng/cổ phiếu xuống còn 11.071 đồng/cổ phiếu (điều chỉnh giảm 2.429 đồng/cổ phiếu).

Song song với việc giá giao dịch cổ phiếu của công ty bị pha loãng từ việc phát hành thêm, chỉ tiêu Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) và Giá trị sổ sách (BV) có thể sẽ bị pha loãng (khi đợt phát hành thành công) như sau:

Rủi ro do pha loãng EPS:

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{pha\ loang} = \frac{E}{Q_{bq}}$$

Trong đó:

EPS pha loãng : Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt phát hành thành công

E : Tổng lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Q_{bq} : Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau phát hành)

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

Rủi ro pha loãng BV:

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau:

$$BV = \frac{NVCSH}{Q - CPQ}$$

Trong đó:

NVCSH : Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về Cổ đông

Q : Tổng số cổ phiếu đã phát hành

CPQ : Tổng số cổ phiếu quỹ

BV : Giá trị sổ sách cổ phiếu

Với việc phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu tỷ lệ 5:1 với giá phát hành 10.000 đồng/01 cổ phiếu và trả cổ tức năm 2013 và năm 2014 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%/năm thì giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) năm 2015 có thể giảm nếu tốc độ tăng của Q cao hơn tốc độ tăng của NVCSH.

6. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày ở trên, hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu có thể chịu rủi ro khác như thiên tai chiến tranh, dịch bệnh..... Đây là các rủi ro do biến cố bất ngờ,

bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của Công ty, ảnh hưởng mang tính khu vực, ngành nghề và bất kỳ doanh nghiệp nào cũng có thể gặp phải. Tuy nhiên, các rủi ro này rất hiếm khi xảy ra và nếu xảy ra dù ít hay nhiều cũng sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức chào bán

	Ông: Hà Ngọc Phiêm	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
	Ông: Đỗ Văn Hà	Chức vụ: Giám đốc
	Ông: Trần Thanh Hà	Chức vụ: Kế toán trưởng
	Ông: Quách Mạnh Hải	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

	Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thiên Hà
	Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ chào bán cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	: Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu
Tổ chức chào bán	: Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng Cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
BKS	: Ban Kiểm soát
BCTC	: Báo cáo tài chính
TSCĐ	: Tài sản cố định
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
Cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu
Điều lệ	: Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
HNX	: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
TTLKCKVN/VSD	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Nhà máy	: Nhà máy Thủy điện Nậm Mu
EVNNPC	: Tổng công ty Điện lực Miền Bắc
KWh	: Kilowatt / giờ
VĐL	: Vốn điều lệ
TCKT	: Tài chính kế toán

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Một số thông tin cơ bản về Công ty

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU
- Tên Tiếng Anh : Nam Mu Hydropower Joint – Stock Company
- Tên viết tắt : Nậm Mu HJSC
- Trụ sở chính : Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quan, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam
- Điện thoại : 0219 3827 276
- Fax : 0219 3827 276
- Website : www.thuydiennammu.com.vn
- Biểu tượng Công ty



- Vốn điều lệ đăng ký : 149.999.890.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 149.999.890.000 đồng
- Tài khoản số : 102010000969668 tại ViettinBank – Hà Giang
- Ngành nghề kinh doanh :

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và cung cấp điện năng cho hệ thống lưới điện quốc gia theo hợp đồng ký kết dài hạn với Tổng công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC). Doanh thu chủ yếu của đơn vị là từ hoạt động này đem lại, tuy nhiên, với đội ngũ cán bộ công nhân viên có kinh nghiệm lâu năm, đặc biệt những người đang lãnh đạo Công ty đều là những cán bộ có thâm niên trong lĩnh vực xây lắp, thi công và có tầm nhìn chiến lược tổ chức kinh doanh. Vì vậy, Công ty định hướng trong thời kỳ mới sẽ mở rộng hoạt động kinh doanh sang những lĩnh vực sau:

- + Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- + Tư vấn xây lắp các công trình điện;
- + Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, xây dựng công nghiệp, xây dựng thủy điện, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây

- dựng cấp thoát nước, lắp đặt đường ống, công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- ✚ Xây dựng kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản, khách sạn du lịch;
 - ✚ Lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc, thiết bị (thang, điều hòa, thông gió, phòng cháy, cấp thoát nước);
 - ✚ Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, gạch, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng và tiêu dùng khác;
 - ✚ Dịch vụ cho thuê sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị, kinh doanh thiết bị xây dựng;
 - ✚ Kinh doanh hàng xuất nhập khẩu, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông, lâm, thủy sản, hàng tiêu dùng.
 - ✚ Đầu tư tài chính (dùng vốn của Công ty để đầu tư vào các dự án); Nhập khẩu thiết bị vật tư công nghiệp;
 - ✚ Tư vấn giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy điện, xây dựng hạ tầng, xây dựng đô thị, san lấp nền móng.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu đang có 03 Nhà máy là Nhà máy thủy điện Nậm Mu, Nhà máy Thủy điện Nậm Ngân và Nhà máy Thủy điện Nậm An đang hoạt động và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Nhà máy Thủy điện Nậm Mu nằm trên địa bàn xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, do Tổng công ty Sông Đà làm chủ đầu tư với mục tiêu khai thác nguồn thủy năng của suối Nậm Mu (Nhánh cấp I, bờ phải Sông Lô), đây là khu vực được đánh giá có rất nhiều tiềm năng cho phát triển thủy điện vì theo thống kê của các chuyên gia khí tượng thủy văn lượng mưa hàng năm tại khu vực này thường lớn nhất Miền Bắc, trung bình 3.500mm/năm.

Sau một thời gian đánh giá và khảo sát kỹ lưỡng, Tổng công ty Sông Đà đã chính thức khởi công xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Mu vào ngày 05/07/2012, thời gian thi công dự kiến là 2,5 năm, nhưng với truyền thống bất khuất và sự nỗ lực không mệt mỏi của những người thợ Tổng công ty Sông Đà, chỉ sau hai năm xây dựng, tổ máy đầu tiên đã hòa điện lưới quốc gia vào ngày 18 tháng 2 năm 2004 và sau đó lần lượt vào ngày 18 và 24 tháng 03 năm 2004 hai tổ máy số 2 và số 3 cũng chính thức vận hành và cung cấp nguồn điện năng vào hệ thống lưới điện của đất nước. Tổng công suất của nhà máy khi hoàn thành đưa vào sử dụng là 12 MW.

Mặc dù là người đi tiên phong trong việc triển khai đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Nậm Mu nhưng với tầm nhìn chiến lược của các nhà lãnh đạo Tổng công ty Sông Đà về tiềm năng to lớn của việc phát triển thủy điện trên địa bàn tỉnh Hà Giang, định hướng sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng thêm các nhà máy thủy điện khác, nhằm khai thác triệt để nguồn lợi sẵn có của tự nhiên trên địa bàn này. Để có thể thực hiện thành công chiến lược kinh doanh nêu trên, ngoài việc phát huy các yếu tố nội lực của Tổng công ty, tiền đề tất yếu là phải kết hợp khai thác, huy động được những nguồn lực tài chính to lớn, nhân rồi trong công chúng để cùng hợp tác đầu tư. Chính vì thế, vào ngày 12 tháng 2 năm 2003 Tổng công ty đã có quyết định số 37/TCT-TCĐT chuyển Nhà máy Thủy điện Nậm Mu thành Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu, đồng thời Tổng công ty cũng bàn giao quyền quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu cho Công ty Cổ phần Sông Đà 9.

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu được ra đời dựa trên phương án kêu gọi thành lập Công ty Cổ phần theo quyết định số 74/ TCT/ HĐQT của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Sông Đà, được hưởng ứng bởi 02 cổ đông sáng lập khác là Công ty Sản xuất kinh doanh - Xuất nhập khẩu Bình Minh, Công ty Cổ phần Xi Măng Sông Đà cùng với các cán bộ công nhân viên Tổng công ty tham gia góp vốn thành lập.

Ngày 29 tháng 5 năm 2003 Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000005 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Ngày 20 tháng 12 năm 2006, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

Ngày 30 tháng 09 năm 2006, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu phát hành 2.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên 60.000.000.000 đồng. Giấy CNĐKKD số 1003000005 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 06/09/2006.

Ngày 11 tháng 08 năm 2010, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu phát hành 9.000.000 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu, trong đó bao gồm trả cổ tức năm 2009 15%, phát hành cổ phiếu thưởng 9% và phát hành cho cổ đông hiện hữu 7.560.000 cổ phần, tăng vốn điều lệ lên 149.999.890.000 đồng. Giấy CNĐKKD số 5100174626 đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 09/12/2010.

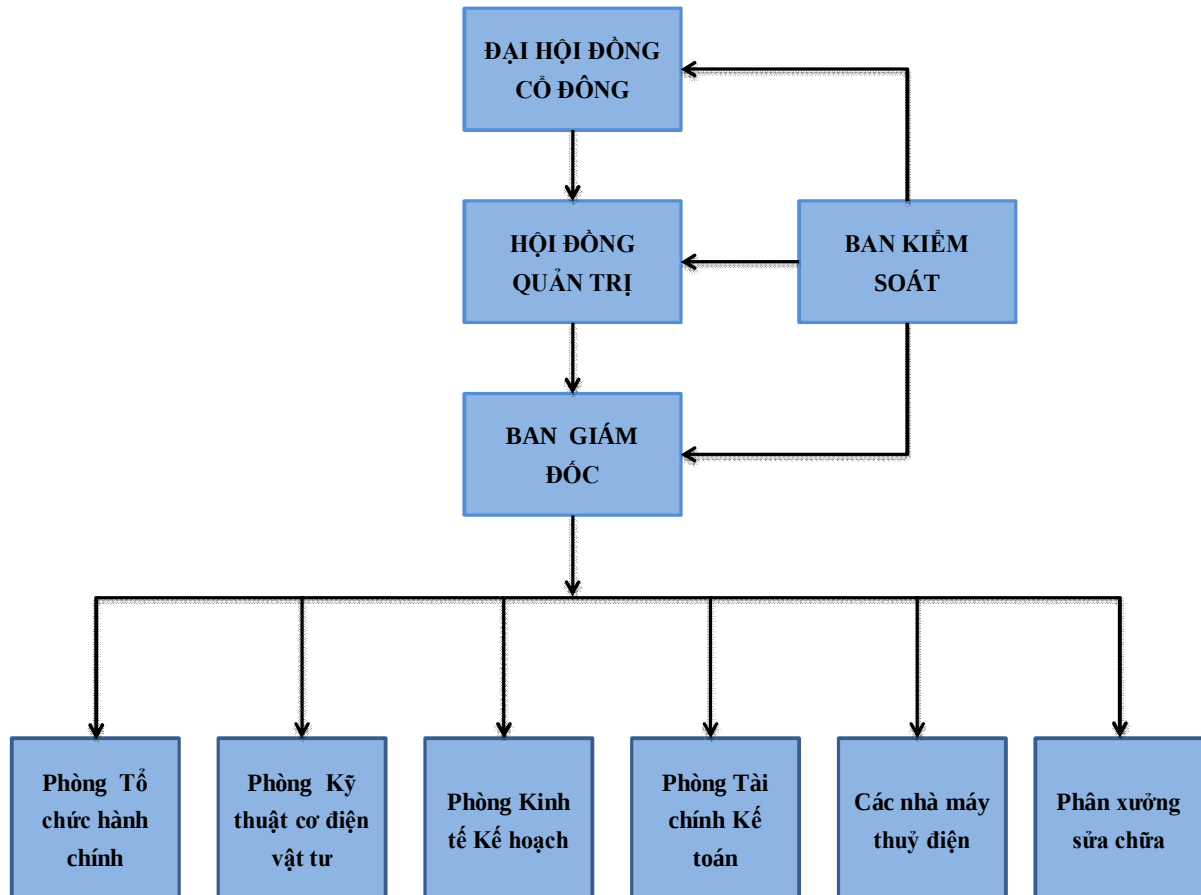
2. Cơ cấu tổ chức công ty

Kể từ khi thành lập cho tới nay, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu là công ty con của Công ty Cổ phần Sông Đà 9. Hiện Công ty Cổ phần Sông Đà 9 đang nắm giữ 51% lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu.

Hiện nay, CTCP Thủy điện Nậm Mu có một Công ty con là Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô. Tỷ lệ sở hữu hiện tại của HJS tại Công ty con là 76%, tương ứng với 30,6 tỷ đồng.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ: Cơ cấu Bộ máy Quản lý của Công ty



Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Bộ máy tổ chức của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu, bao gồm:

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, Báo cáo của Ban Kiểm soát, Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Định hướng phát triển của Công ty cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của công ty, Lựa chọn đơn vị kiểm toán

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền quyết định nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị gồm 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên của HĐQT do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và ĐHĐCĐ quy định.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban tổng giám đốc, Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban Kiểm soát của công ty có 03 thành viên, nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát có quyền hạn quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu gồm có 04 thành viên, trong đó có Giám đốc và 03 phó giám đốc. Giám đốc là người điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Phó Tổng Giám đốc giúp việc Tổng Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng Giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CÁC PHÒNG BAN KHÁC CỦA CÔNG TY

Phòng Tổ chức – Hành Chính

a. Chức năng

- Lập phương án tổ chức, sắp xếp ổn định sản xuất;
- Quản lý việc đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng nhân lực hợp lý đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quản lý và bảo vệ tài sản của Công ty;
- Quản lý công tác văn thư, lưu trữ công văn, tài liệu liên quan phục vụ công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

b. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức từ phòng ban đến phân xưởng và các đội sản xuất phù hợp yêu cầu nhiệm vụ sản xuất trong từng giai đoạn;
- Đề xuất tổ chức thực hiện công tác cán bộ, công tác tuyển dụng, đào tạo nâng cao năng lực tay nghề; cân đối, sắp xếp sử dụng hợp lý lực lượng CBCNV hiện có theo yêu cầu sản xuất, đảm bảo mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động theo qui định của pháp luật như: Quản lý hồ sơ, giải quyết việc chuyển chuyên, điều động, nghỉ chế độ theo Luật lao động, công tác nâng lương, nâng bậc cho cán bộ công nhân viên theo đúng chế độ chính sách;
- Xây dựng quy chế khen thưởng, thi đua, nội quy kỷ luật lao động trong Công ty xét đề nghị Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty quyết định khen thưởng đối với những Cán bộ Công nhân viên có thành tích xuất sắc, kỷ luật đối với những CBCNV có vi phạm điều lệ tổ chức hoạt động, quy chế, quy định của Công ty;
- Nghiên cứu, xây dựng đề xuất tổ chức thực hiện chế độ chính sách và quan hệ công tác giữa các đơn vị, các phòng theo điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;
- Xây dựng phương án nhu cầu sử dụng các thiết bị, dụng cụ hành chính và thực hiện các nhiệm vụ của Công tác hành chính như quản lý trang thiết bị văn phòng, điện thoại, máy Fax, xe con, xe phục vụ;
- Thực hiện công tác quản lý các hồ sơ và lưu giữ hồ sơ, thủ tục pháp lý của Công ty;
- Thực hiện công tác quản lý và lưu giữ các loại hồ sơ văn bản theo quy định của Pháp luật;
- Thu thập các văn bản pháp lý và cung cấp các văn bản pháp luật cần thiết cho các phòng ban chức năng để áp dụng thực hiện;
- Thực hiện công tác quản lý và sử dụng con dấu của Công ty đúng quy định;
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc tổ chức các hội nghị, cuộc họp của Công ty;
- Kiểm duyệt công văn trình Giám đốc xử lý và thực hiện lưu trữ theo quy định.

Phòng Kinh tế - Kế hoạch

a. Chức năng

Giúp việc cho HĐQT, Giám đốc Công ty trong các công tác:

- Kinh tế, kế hoạch, đấu thầu;
- Quản lý hợp đồng kinh tế, đầu tư các dự án xây dựng, mua sắm vật tư thiết bị.

b. Nhiệm vụ

- Lập kế hoạch tháng, quý, năm và kế hoạch trung, dài hạn;
- Lập báo cáo thống kê định kỳ, đột xuất báo cáo lãnh đạo công ty và cấp trên liên quan;
- Xây dựng định mức đơn giá làm cơ sở thanh toán cho các công trình;
- Quản lý chi phí đầu tư trên cơ sở thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán được duyệt;

- Kiểm tra dự toán thi công do các đơn vị lập làm cơ sở ký hợp đồng giao khoán nội bộ với từng công trình. Cùng với các đơn vị giải quyết các phát sinh, điều chỉnh giá trong quá trình thực hiện hợp đồng với chủ đầu tư;
- Đề xuất, bàn bạc với chủ đầu tư để giải quyết vướng mắc cho đơn vị thi công về công tác thanh toán;
- Phối hợp với phòng TCKT trong công tác thanh toán, thu hồi vốn, kiểm tra phiếu giá thanh toán của các hợp đồng do Công ty ký, chuyển phòng TCKT;
- Lập kế hoạch đầu tư, mua sắm vật tư thiết bị khi Công ty có nhu cầu để trình HĐQT. Phối hợp tổ chức đấu thầu, xét thầu và trình HĐQT kết quả đấu thầu;
- Dự thảo, đàm phán và ký các hợp đồng kinh tế để trình Giám đốc Công ty ký gồm: Nhận thầu xây lắp, mua sắm thiết bị, vật tư, phụ tùng, hợp đồng kinh tế với các đơn vị trong nội bộ Công ty và ngoài Công ty;
- Làm các thủ tục thực hiện hợp đồng kinh tế và thanh lý các hợp đồng kinh tế đã ký kết.
- Soạn thảo các quy định, quy chế về chế độ tiền lương trên cơ sở các quy định của Nhà nước đối với Công ty Cổ phần. Kiểm tra, giám sát hướng dẫn việc thực hiện định mức lao động, đơn giá tiền lương, các chế độ phụ cấp hiện hành;
- Lập kế hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Báo cáo các công tác theo chức năng của Phòng Kinh tế - Kế hoạch;
- Soạn thảo các văn bản liên quan đến công tác KTKH trình Giám đốc để kịp thời phục vụ chỉ đạo công tác KTKH trong Công ty.

Phòng Kỹ thuật cơ điện và vật tư

a. Chức năng

Thực hiện giúp việc HĐQT, Giám đốc Công ty trong các công việc:

- Quản lý lập biện pháp và tiến độ thi công các công trình xây dựng;
- Quản lý chất lượng và nghiệm thu công trình;
- Quản lý kỹ thuật khối lượng, giám sát chất lượng công trình;
- Quản lý vật tư thiết bị cơ điện của các nhà máy;
- Quản lý công tác bảo hộ lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy.

b. Nhiệm vụ

- Quản lý lập biện pháp và tiến độ thi công
 - + Trên cơ sở tổng tiến độ thi công, chủ trì phối hợp cùng với các đơn vị thi công để lập tiến độ thi công của từng hạng mục, tiến độ thi công hàng tháng, quý, năm trình Giám đốc phê duyệt;
 - + Hàng tuần theo dõi mục tiêu tiến độ thi công của các hạng mục công trình và toàn bộ công trình; đề xuất các biện pháp đảm bảo tiến độ thi công tại các hạng mục

- công trình khi có nguy cơ chậm tiến độ để lãnh đạo Công ty xem xét quyết định;
- + Hàng tuần, tháng, quý, năm tổng hợp báo cáo khối lượng đơn vị thi công đã thực hiện ở các hạng mục, đồng thời điều chỉnh khối lượng thi công ở các mốc thời gian kế tiếp;
 - + Hàng quý, năm tổng hợp khối lượng thi công của các công trình thực hiện để điều chỉnh khối lượng thi công của các quý năm còn lại trong tổng tiến độ thi công làm cơ sở lập tiến độ thi công của quý, năm kế tiếp.
 - Quản lý chất lượng và nghiệm thu công trình
 - + Tập hợp, nghiên cứu các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm của Việt Nam để áp dụng cho công ty và các đơn vị thi công;
 - + Hàng quý lập báo cáo chất lượng công trình để báo cáo lãnh đạo Công ty;
 - + Định kỳ 06 tháng lập báo cáo tổng hợp quản lý chất lượng công trình xây dựng;
 - + Kiểm tra hướng dẫn các đơn vị thi công trong công việc hoàn thành thủ tục hồ sơ nghiệm thu và bàn giao công trình;
 - + Tham gia trong thành phần hội đồng nghiệm thu cấp chủ đầu tư.
 - Quản lý kỹ thuật và chất lượng giám sát công trình
 - + Giám sát thi công toàn bộ các hạng mục công trình;
 - + Kiểm tra thiết bị vật tư máy móc đưa vào công trường mà đơn vị thi công đã lập biện pháp thi công;
 - + Có trách nhiệm yêu cầu Tư vấn thiết kế xử lý kỹ thuật, hay thiết kế lại những bộ phận hay hạng mục không đảm bảo về yêu cầu kỹ thuật chất lượng;
 - + Tham gia nghiệm thu chất lượng vật tư thiết bị mua trước khi nhập kho.
 - Quản lý công tác vật tư thiết bị cơ điện
 - + Kiểm tra tình trạng hoạt động thiết bị cơ điện của các nhà máy theo các quy định hiện hành. Giám sát công tác thí nghiệm định kỳ thiết bị điện, công tác kiểm định hệ thống đo lường, công tác kiểm định thiết bị nâng hạ và áp lực cao của các nhà máy.
 - + Lập kế hoạch mua sắm thiết bị cơ điện thay thế và dự phòng cho các nhà máy.
 - + Cấp phát vật tư cho các nhà máy theo quy định.
 - Quản lý công tác bảo hộ lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt
 - + Quyết định các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, cải thiện điều kiện làm việc, vệ sinh môi trường
 - + Tổ chức kiểm tra định kỳ việc thực hiện công tác bảo hộ lao động trên công trường
 - + Tổng hợp báo cáo công tác bảo hộ lao động trong phạm vi toàn công ty theo quy định hiện hành
 - + Phối hợp với các cơ quan chức năng lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án phòng cháy chữa cháy, phương án phòng chống bão lụt cho các nhà máy và công

trường thi công theo quy định

- + Tổng hợp các báo cáo về công tác phòng cháy chữa cháy, phương án phòng chống bão lụt của công ty báo cáo các cơ quan quản lý theo quy định hiện hành.

Phòng Tài chính – Kế toán

a. Chức năng

- Phòng Tài chính kế toán giúp Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty trong công tác tổ chức bộ máy Tài chính Kế toán trong Công ty.
- Giúp Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty kiểm tra, kiểm soát bằng tiền đối với các hoạt động kinh tế, tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b. Nhiệm vụ

- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực, chế độ kế toán.
- Kiểm tra giám sát các khoản thu tài chính, các nghĩa vụ thu nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về Tài chính kế toán.
- Phân tích thông tin số liệu kế toán tham mưu đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán.
- Thu xếp vốn cho các dự án, quản lý và sử dụng nguồn vốn theo quy chế hiện hành.
- Cung cấp thông tin số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/04/2015 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu tại Công ty
1	CTCP Sông Đà 9	Toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội	7.650.000	51,0%
2	CTCP Xi măng Sông Đà	Phường Tân Hoà, Thị xã Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình	750.000	5,0%
Tổng cộng			8.400.000	56,0%

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 27/04/2015 của HJS)

Ngày 17 tháng 07 năm 2015, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà đã bán 750.000 cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu. Như vậy, kể từ ngày 17 tháng 07 năm 2015, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà không còn là cổ đông lớn của HJS nữa.

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty và tỷ lệ Cổ phần nắm giữ

STT	Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	Tổng Công ty xây dựng Sông Đà Đại diện là các Ông: Lê Văn Hưng, Hà Ngọc Phiếm, Đỗ Văn Hà, Dương Kim Ngọc	G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	7.650.000	51,0%
2	Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Đại diện là Ông: Đào Quang Dũng	Phường Tân Hoà, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình, Việt Nam	750.000	5,0%
3	Công ty SXKD XNK Bình Minh (Công ty TNHH) Đại diện là Ông: Vũ Quang Hội	Km2, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam	-	0,0%
4	90 cổ đông khác là cá nhân	Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, Việt Nam	6.599.989	44,0%

(Nguồn: HJS)

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu chính thức hoạt động vào ngày 29 tháng 5 năm 2003, cho đến thời điểm hiện nay Công ty đã hoạt động được hơn 12 năm. Vì vậy, theo quy định tại Khoản 4 Điều 119 Luật Doanh nghiệp mới số 68/2014/QH13 bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/07/2015 và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, hiệu lực của các quy định về hạn chế chuyển nhượng của các cổ đông sáng lập đã hết. Các cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình.

4.3 Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/04/2015 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp

STT	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
I.	Cổ đông tổ chức	18	8.411.282	56,075%
1.	Trong nước	17	8.411.082	56,074%
2.	Ngoài nước	1	200	0,001%
II.	Cổ đông cá nhân	712	6.588.707	43,925%
1.	Trong nước	694	6.560.911	43,739%
2.	Ngoài nước	18	27.796	0,185%
Tổng cộng		730	14.999.989	100,000%

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 27/04/2015 của HJS)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc Cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

- ❖ ***Danh sách Công ty con cũng là Công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối.***

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ TÂY ĐÔ

- Hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0104800561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 07 năm 2010, thay đổi lần thứ hai ngày 29 tháng 04 năm 2014
- Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Vốn điều lệ: 40.318.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - + Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công trình công ích;
 - + Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
 - + Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động trang trí nội thất;
 - + Hoạt động xây dựng chuyên dụng
 - + Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước;
 - + Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất;
 - + Xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà, dựng giàn giáo, xây dựng bể bơi ngoài trời;
 - + Khai thác quặng sắt, khai thác kim loại khác không chứa sắt, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - + Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
 - + Vận tải hành khách đường bộ khác, vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa;
 - + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
 - + Dịch vụ nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
 - + Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới) (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
 - + Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
 - + Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
 - + Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bao bì bằng gỗ;
 - + Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
 - + Sản xuất than cốc; sản xuất sản phẩm chịu lửa;

- + Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- + Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- + Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm);
- + Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống;
- + Bán buôn các sản phẩm thuốc lá, thuốc lào; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- + Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị khác;
- + Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- + Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

- Tỷ lệ nắm giữ: 76%

- Giá trị đầu tư: 30.600.000.000 (Ba mươi tỷ sáu trăm triệu) đồng

❖ ***Danh sách công ty mẹ cũng là Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành.***

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Hoạt động theo Giấy CNĐKKD số: 0100845515 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 06 năm 2014.
- Trụ sở chính: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Vốn điều lệ: 305.663.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện;
 - + Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp
 - + Dịch vụ tư vấn xây dựng và đấu thầu các công trình
 - + Khai thác mỏ, sản xuất vật liệu xây dựng
 - + Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;
 - + Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy điện, nhà máy xi măng;
 - + Chế tạo và lắp đặt các cấu kiện cơ khí, xây dựng, phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng, xe máy;
 - + Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa, xăng, dầu, mỡ, bất động sản và văn phòng cho thuê./.
- Tỷ lệ nắm giữ tại HJS : 51%

- Giá trị đầu tư : 76.500.000.000 đồng (Bảy mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng)

6. Giới thiệu về Quá trình tăng vốn của Công ty

❖ **Lần 1: Ngày 29/05/2003: các cổ đông góp vốn thành lập Công ty với số vốn ban đầu là: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng).**

- + Số lượng cổ phần phát hành: 4.000.000 Cổ phần
- + Giấy CNĐKKD số 1003000005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp ngày 29 tháng 05 năm 2003

❖ **Lần 2: Phát hành riêng lẻ cho Cổ đông hiện hữu tăng vốn lên 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)**

- + Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- + Ngày phát hành : 30/9/2006
- + Số lượng phát hành : 2.000.000 cổ phần
- + Giá phát hành : 10.000/ cổ phần
- + Tỷ lệ phát hành : 100:50
- + Cơ quan chấp thuận tăng vốn : Sở KH & ĐT tỉnh Hà Giang
- + Giấy CNĐKKD số 1003000005 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 06/09/2006.
- + Vốn sau khi tăng : 60.000.000.000 đồng

❖ **Lần 3: Chào bán 9.000.000 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu, trong đó bao gồm trả cổ tức năm 2009 15%, phát hành cổ phiếu thưởng 9% và phát hành cho cổ đông hiện hữu 7.560.000 cổ phần, tăng vốn điều lệ lên 149.999.890.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng)**

– **Phát hành cho cổ đông hiện hữu**

- + Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- + Ngày phát hành : 11/08/2010
- + Số lượng phát hành : 7.560.000 cổ phần
- + Giá phát hành : 10.000/ cổ phần
- + Tỷ lệ phát hành : 100:126

– **Trả cổ tức năm 2009**

- + Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- + Ngày phát hành : 11/08/2010
- + Tỷ lệ trả cổ tức : 15%

– **Phát hành cổ phiếu thưởng**

- + Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu

- + Ngày phát hành : 11/08/2010
- + Tỷ lệ phát hành : 9%
- + Cơ quan chấp thuận tăng vốn : UBCKNN
- + Giấy chứng nhận chào bán do UBCKNN cấp số 636/UBCK-GCN ngày 11/08/2010
- + Giấy CNĐKKD số 5100174626 đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 09/12/2010.
- + Vốn sau khi tăng : 149.999.890.000 đồng

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Sản lượng sản phẩm

Hiện tại, Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mu đang vận hành 03 Nhà máy thủy điện chính: Nhà máy thủy điện Nậm Mu, Nhà máy thủy điện Nậm Ngần và Nhà máy Thủy điện Nậm An.

Nhà máy Thủy điện Nậm Mu

- + Địa điểm nhà máy : Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang
- + Ngày khởi công : 05/07/2002
- + Ngày hoàn thành : 25/3/2004
- + Ngày phát điện và hoà lưới điện quốc gia: Tổ máy số 1 ngày 18/02/2004, Tổ máy số 02 ngày 18/03/2004 và Tổ máy số 3 ngày 24/03/2004
- + Hình thức đầu tư : BOO (Xây dựng, sở hữu và kinh doanh)
- + Công suất lắp máy : 12 MW
- + Tổng vốn đầu tư : 224,41 tỷ đồng
- + Số tổ máy : 03
- + Sản lượng điện trung bình theo thiết kế: 55,7 triệu kWh/năm

Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần

- + Địa điểm nhà máy : Xã Việt Lâm, xã Quảng Ngần, xã Thượng Sơn, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang
- + Ngày khởi công : 04/11/2005
- + Ngày hoàn thành : 09/06/2009
- + Ngày phát điện và hoà lưới điện quốc gia: Tổ máy số 1 và 2 ngày 11/06/2009
- + Hình thức đầu tư : BOO (Xây dựng, sở hữu và kinh doanh)
- + Công suất lắp máy : 13,5 MW
- + Tổng vốn đầu tư : 283 tỷ đồng
- + Số tổ máy : 03
- + Sản lượng điện trung bình theo thiết kế: 68 triệu KWh/năm

Nhà máy Thủy điện Nậm An

- + Địa điểm nhà máy : Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- + Ngày khởi công : 05/2012
- + Ngày hoàn thành : 06/2012
- + Ngày phát điện và hoà lưới điện quốc gia:
- + Công suất lắp máy : 6 MW
- + Số tổ máy : 02

Hiện nay Công ty chỉ sản xuất một loại sản phẩm chính là điện thương phẩm và cung cấp trực tiếp cho Tổng công ty điện lực miền Bắc:

- Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Thủy điện Nậm An giữa Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mu và Tổng công ty điện lực miền Bắc số 99/EVNNPC - B9 vào ngày 22 tháng 05 năm 2012. Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu sẽ cung cấp điện cho Tổng công ty điện lực miền Bắc theo giá điện được Bộ công thương quy định tại Quyết định số 06/ĐTĐL ngày 19/01/2012, cụ thể như sau:

Bảng: Bảng giá bán điện của Nhà máy Thủy điện Nậm An

	Mùa khô			Mùa mưa			
	Giờ cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Giờ cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Phần điện năng dư
Giá điện năng (đ/kWh)	619	596	554	596	557	538	269
Giá công suất (đ/kWh)	1.805						

(Nguồn: HJS)

- Hợp đồng mua bán điện Nhà máy thủy điện Nậm Ngần giữa Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mu và Tổng công ty điện lực miền Bắc số CD55/EVNNPC-B9 ngày 01 tháng 04 năm 2011. Theo Hợp đồng này, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu sẽ cung cấp điện cho Tổng công ty điện lực miền Bắc theo giá điện được Bộ công thương quy định tại Quyết định số 66/QĐ-ĐTĐL ngày 31/12/2010, cụ thể như sau:

Bảng: Bảng giá bán điện của Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần

	Mùa khô			Mùa mưa			
	Giờ cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Giờ cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Phần điện năng dư
Giá điện năng (đ/kWh)	603	590	561	529	498	484	242
Giá công suất (đ/kWh)	1.772						

(Nguồn: HJS)

- Hợp đồng mua bán điện Nhà máy thủy điện Nậm Mu giữa Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mu và Tổng công ty điện lực miền Bắc số CD55/EVNNPC-B9 ngày 01 tháng 04 năm

2011. Theo Hợp đồng này, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu sẽ cung cấp điện cho Tổng công ty điện lực miền Bắc theo giá điện được Bộ công thương quy định tại Quyết định số 66/QĐ-ĐTĐL ngày 31/12/2010, cụ thể như sau:

Bảng: Bảng giá bán điện của Nhà máy Thủy điện Nậm Mu

	Mùa khô			Mùa mưa			
	Giờ cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Giờ cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Phần điện năng dư
Giá điện năng (đ/kWh)	603	590	561	529	498	484	242
Giá công suất (đ/kWh)	1.772						

(Nguồn: HJS)

Bảng: Cơ cấu Doanh thu theo giá trị dịch vụ năm 2013, 2014, 06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		% tăng (giảm)	06 tháng đầu năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán điện thương phẩm	123.864	99,00%	138.455	98,17%	11,78%	77.068	93,90%
Doanh thu bán hàng hoá	-	0,00%	1.724	1,22%	-	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.257	1,00%	855	0,61%	31,98%	1.932	2,35%
Doanh thu Hợp đồng xây dựng	-	0,00%	-	0,00%	-	3.074	3,75%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	125.121	100,00%	141.034	100,00%	12,72%	82.074	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2015 – HJS)

Kể từ khi đi vào vận hành đến nay, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của HJS luôn duy trì xu hướng tăng trưởng. Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động bán điện thương phẩm (chiếm khoảng trên 90%).

Doanh thu bán điện thương phẩm năm 2014 tăng 11,78% so với năm 2013. 06 tháng đầu năm 2015, mặc dù tỷ trọng doanh thu bán điện thương phẩm trên Tổng Doanh thu thuần giảm (chỉ chiếm 93,9%), nhưng xét về giá trị thì vẫn tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2014.

7.2 Nguồn nguyên liệu

Nguyên liệu đầu vào của Nhà máy thủy điện là nguồn nước thiên nhiên. Vì vậy, độ ổn định của nguồn nước thiên nhiên cùng với điều kiện thời tiết là những yếu tố chính quyết định tới sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của các nhà máy thủy điện.

- Đối với Nhà máy thủy điện Nậm Mu

Nhà máy thủy điện Nậm Mu nằm trên địa bàn huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Công suất hoạt động và sản lượng của nhà máy phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nước tự nhiên từ suối Nậm Mu (Nhánh cấp I, bờ phải Sông Lô), đây là khu vực được đánh giá có rất nhiều tiềm năng cho phát triển thủy điện vì theo thống kê của các chuyên gia khí tượng thủy văn, lượng mưa hàng năm tại khu vực này thường lớn nhất miền Bắc, trung bình 3.500mm/ năm. Với nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nguồn nước thiên nhiên có tiềm năng và tính ổn định cao như vậy, nên giá thành sản xuất của Công ty thấp, tạo lợi thế cho Công ty, đảm bảo nguồn năng lượng sản xuất ra đến đâu được đảm bảo tiêu thụ hết đến đó.

- Đối với Nhà máy thủy điện Nậm Ngần

Nhà máy thủy điện Nậm Ngần nằm trên địa bàn xã Quảng Ngần, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Công suất hoạt động và sản lượng của Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nước tự nhiên từ suối Nậm Ngần.

7.3 Chi phí sản xuất

**Bảng: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013, 2014
6 tháng đầu năm 2015**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		6 tháng đầu năm 2015	
		Giá trị	%/ Doanh thu thuần	Giá trị	%/ Doanh thu thuần	Giá trị	%/ Doanh thu thuần
1	Giá vốn hàng bán	52.926	42,3%	72.587	51,5%	43.627	53,2%
2	Chi phí tài chính	49.214	39,3%	41.534	29,4%	16.983	20,7%
4	Chi phí quản lý	6.947	5,6%	5.293	3,8%	5.034	6,1%
5	Chi phí khác	536	0,4%	1.255	0,9%	1.851	2,3%
Tổng chi phí		109.623	87,6%	120.669	85,6%	67.495	82,2%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2015- HJS)

Do sản phẩm chính của Công ty hiện nay là điện thương phẩm đã được EVNNPC đảm bảo đầu ra trên cơ sở hợp đồng mua bán điện ký với EVNNPC nên Công ty không phát sinh các khoản chi phí marketing, xúc tiến thương mại và chi phí bán hàng. Đây là một lợi thế của Công ty trong việc giảm thiểu chi phí sản xuất, nâng cao lợi nhuận.

Giá vốn hàng bán và chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí hàng năm của dự án. Đây là do đặc thù của ngành thủy điện, suất đầu tư vào các nhà máy thủy điện thường rất lớn và nguồn vốn tài trợ chủ yếu cho dự án là các nguồn vốn vay. Do các khoản chi phí này chiếm tỷ trọng lớn cho nên thông thường trong thời kỳ đầu vận hành nhà máy, lợi nhuận đem lại cho các cổ đông thường không lớn. Tuy nhiên khi dự án đã đi vào vận hành ổn định sau một thời gian, lãi vay đã được hoàn trả dần và một lượng lớn khấu hao tài sản được trích vào chi phí thì hiệu quả đầu tư do nhà máy mang lại cho các nhà đầu tư mới thực sự to lớn. Bên cạnh đó, chi phí vận hành của nhà máy hàng năm rất thấp do nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nguồn nước thiên nhiên, do đó giá thành sản xuất thấp hơn so với các loại hình sản xuất điện năng khác, tạo lợi thế cho các nhà máy thủy điện, đảm bảo nguồn năng lượng sản xuất ra đến đâu được đảm bảo tiêu thụ hết đến đó.

7.4 Trình độ công nghệ:

Hệ thống máy móc thiết bị của Nhà máy Thủy điện Nậm Mu được nhập khẩu từ các nhà sản xuất của Trung Quốc. Nhìn chung so với các công nghệ cùng loại hiện hành, các máy móc thiết bị, nhà xưởng của nhà máy đều đáp ứng tốt các tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật và tương đương với các Công nghệ cùng loại có xuất xứ từ các nước khác trên thế giới.

Bảng 6: Danh mục các thiết bị chính của Nhà máy thủy điện Nậm Mu

-Hồ chứa	
Dung tích	1.200.000m ³
Chiều dài hồ ở mặt nước dâng bình thường	1.500m
Chiều rộng (chỗ rộng nhất)	300m
Mực nước dâng bình thường	505m
Mực nước chết	500m
Tổng lượng nước trung bình nhiều năm (dòng chảy)	80triệu m ³ /năm
- Đập chính	
Chiều dài mặt đập	102,55 m
Chiều rộng mặt đập	8m
Chiều cao lớn nhất	22m
Cao độ đỉnh đập	512m
- Đập tràn	
Kết cấu	Bê tông trọng lực
Tần suất cho phép (P1%)	1090m ³ /s
- Máy phát điện	
Kiểu	SFW 4000
Xuất xứ	Nhà máy điện cơ Côn Minh
Nước sản xuất	Trung Quốc

Công suất định mức	4000 KW
Điện áp định mức Stator	6,3 KV
Vòng quay định mức	750 vòng/phút
Vòng quay lồng	1.366 vòng/phút
- Tua bin	
Kiểu	CJA-475W-105/2x10
Xuất xứ	Nhà máy điện cơ Côn Minh
Nước sản xuất	Trung Quốc
Cột nước thiết kế	404 m
Công suất thiết kế	4.180KW
Lưu lượng nước qua tua bin	1,185m ³ /s
Hiệu suất tua bin	89,36%
Tốc độ định mức	750 vòng/phút
Tốc độ lồng	1.366 vòng/phút
- Máy biến áp	
+ Máy biến áp số 1	
Kiểu	S9-5.600/35
Xuất xứ	Hãng Liu Zhieu Jiali Electric
Nước sản xuất	Trung Quốc
Công suất định mức	5600KVA
+ Máy biến áp số 2	
Kiểu	S9-5.600/35
Xuất xứ	Hãng Liu Zhieu Jiali Electric
Nước sản xuất	Trung Quốc
Công suất định mức	5600KVA
+ Máy biến áp số 3	
Kiểu	S9-5.600/35
Xuất xứ	Hãng Liu Zhieu Jiali Electric
Nước sản xuất	Trung Quốc
Công suất định mức	5600KVA

Hệ thống rơ le

* Các máy ngắt điện: Sản xuất tại Trung Quốc

- Máy ngắt 35kV : Loại LW8-1600A Số lượng: 04 cái
- Máy ngắt 6,3kV : Loại FP1225C-12V-800A Số lượng: 01 cái

* Các loại rơ le bảo vệ: Xuất xứ Hãng ALSTom

- Rơ le Micom P343 : 03 cái
- Chức năng bảo vệ
 - So lệch máy phát
 - Quá điện áp máy phát

- Mất kích từ máy phát
- Quá tải máy phát
- Chạm đất Stato
- Công suất ngược máy phát
- Rơ le Micom P633 : 03 cái
 - Chức năng bảo vệ
 - So lệch khối máy phát điện-máy biến áp
 - Chạm đất 1 pha phía 35kV máy biến áp
- Rơ le Micom P922 : 03 cái
 - Chức năng bảo vệ
 - Kém áp, quá áp máy phát
 - Chạm đất 1 pha phía 35kV máy biến áp
- Rơ le Micom P442 : 02 cái
 - Chức năng bảo vệ
 - Khoảng cách đường dây 35kV
 - Quá dòng cắt nhanh và quá dòng có thời gian
 - Chức năng đóng lặp lại
- * Các loại Rơ le điều khiển : 01 hệ thống
- **Phần mềm điều khiển máy:**
- * Hãng sản xuất: NARI AUTOMATIC CONTROL Co.ltd
- * Các thiết bị chính:
 - Máy tính điều khiển: 02 bộ, bao gồm:
 - + 1 GHZ Pentium III CPU
 - + 128MB Ram
 - + ổ cứng 40GB
 - + ổ đĩa 3,5 inch 1,44 MB
 - + 600MB 48x CD.ROM
 - + 10/100 Base T Ether Net I/O
 - + Màn hình 21 inch (1280 1024) ghép đôi
 - Máy tính chủ: 01 bộ, gồm:
 - + 1,7 GHZ Pentium 4 CPU
 - + 256 MB RAM
 - + ổ cứng 40 GB
 - + ổ đĩa 3,5 inch, 1,44 MB
 - + 600MB 48xCD.ROM
 - + Graphic Card
 - + Màn hình 15 inch
 - Máy tính điều khiển tại chỗ: 05 bộ, gồm:
 - + CPU: Intel Pentium III/800MHZ

- + Ram: 64MB
- + ổ cứng: 20GB
- + ổ đĩa: 1,44 MB; 3,5 inch
- + Màn hình: LCD 10,4 inch

* Chức năng: giám sát điều khiển và thu thập số liệu

* Điều khiển: có 4 cấp độ điều khiển

Một số hình ảnh về máy móc thiết bị chính của nhà máy



7.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Toàn Công ty hiện đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do tập đoàn GLOBAL - Anh Quốc cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty vẫn thực hiện duy trì và cải tiến quản lý chất lượng bằng văn bản phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001-2000. Hệ thống quản lý chất lượng được cụ thể hoá tới từng hoạt động riêng biệt bằng các quy trình được xây dựng và cải tiến liên tục, cụ thể:

- **Đối với công tác kỹ thuật:** Áp dụng quy trình bắt đầu từ công tác đầu tư, đấu thầu, triển khai thi công công trình, quản lý chất lượng, an toàn trong thi công đến khi bàn giao công trình đưa vào quản lý sử dụng...
- **Đối với công tác Tổ chức- Hành chính:** Áp dụng quy trình về công tác tuyển dụng điều động, đào tạo và nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên.
- **Công tác Kinh tế - kế hoạch:** Áp dụng các quy trình về ký hợp đồng, xây dựng định mức, đơn giá, đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị.

7.6 Hoạt động Marketing

Công ty chưa thành lập bộ phận Marketing mà hoạt động này thường do Tổng Công ty Sông Đà thực hiện.

7.7 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh và bản quyền sáng chế

Logo Công ty:



Hiện nay, Công ty sử dụng logo của Tổng Công ty Sông Đà, bên dưới có hàng chữ “ Nậm Mu”.

Biểu tượng logo của Tổng công ty Sông Đà đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 60204 theo Quyết định số A1024/QĐ-ĐK ngày 16/02/2005.

Nhãn hiệu “Sông Đà” theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66125 theo quyết định số A9294/QĐ-ĐK ngày 24/8/2005 của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ và các nhãn hiệu theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66123 và 66124.

7.8 Các hợp đồng lớn đang thực hiện

STT	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị (tr. Đồng)	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Thủy điện Nậm An số 99/EVNNPC - B9	Tổng công ty điện lực miền Bắc		22/05/2012	20/05/2032
2	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy thủy điện Nậm Ngần số CD55/EVNNPC-B9	Tổng công ty điện lực miền Bắc		01/04/2011	01/04/2031
3	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy thủy điện Nậm Mu số CD55/EVNNPC-B9	Tổng công ty điện lực miền Bắc		01/04/2011	01/04/2031
4	Hợp đồng bảo hiểm công trình dân dụng đã hoàn thành	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	326,5	15/03/2014	15/03/2015
5	Hợp đồng xây lắp thi công hạng mục công trình bãi thải xỉ số 2 – Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 2	CTCP Sông Đà 9	24.312		Đã dừng thi công
6	Hợp đồng sửa chữa phục hồi và nâng cao tuổi thọ cho bánh xe Công tác Tuốc bin Nhà máy Nậm Ngần	Phòng thí nghiệm trọng điểm Công nghệ hàn và xử lý bề mặt	360	10/06/2014	

7	Hợp đồng mua cáp điện	Công ty TNHH Thiết bị điện Á Châu	315,2		
8	Hợp đồng mua bán tài sản đầu giá	Công ty TNHH Thương mại Yên Thu	8.368		
9	Hợp đồng mua bán dầu mỡ nhờn	Công ty TNHH phân phối A+	470,5		

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2013, 2014 và 06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng (giảm)	6 tháng đầu năm 2015
1	Tổng giá trị tài sản	624.597	588.372	-5,8%	559.603
2	Vốn chủ sở hữu	184.496	189.625	2,8%	214.034
3	Doanh thu thuần	125.121	141.034	12,7%	82.074
4	Lợi nhuận từ HĐKD	19.318	24.264	25,6%	17.688
5	Lợi nhuận khác	2.352	(656)		(1.800)
6	Lợi nhuận trước thuế	21.670	23.606	8,9%	15.889
7	Lợi nhuận sau thuế	21.289	21.148	-0,7%	14.765
8	Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	11,54%	11,15%	-3,3%	6,90%
9	Tỷ lệ cổ tức	10,0%	10,0%	0,0%	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2015- HJS)

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ năm 2013, 2014 và 06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng (giảm)	6 tháng đầu năm 2015
1	Tổng giá trị tài sản	629.660	589.317	-6,4%	561.805
2	Vốn chủ sở hữu	193.047	196.542	1,8%	209.288
3	Doanh thu thuần	125.121	143.932	15,0%	82.074
4	Lợi nhuận từ HĐKD	20.091	21.766	8,3%	16.355
5	Lợi nhuận khác	2.352	(641)	-	(1.800)
6	Lợi nhuận trước thuế	22.443	21.125	-5,9%	14.555

7	Lợi nhuận sau thuế	22.729	19.177	-15,6%	13.706
8	Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	11,77%	9,76%	-17,1%	6,55%
9	Tỷ lệ cổ tức	10,0%	10,0%	0,0%	-

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2015- HJS)

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Thuận Lợi

- Đội ngũ cán bộ công nhân viên có tay nghề cao, cán bộ quản lý có thâm niên kinh nghiệm trong công tác điều hành sản xuất, có thể đưa ra những phương án tối ưu để tháo gỡ những khó khăn mà Công ty gặp phải trong quá trình hoạt động;
- Hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến đảm bảo vận hành đạt hiệu suất cao và an toàn;
- Công trình thủy điện Nậm Mu có suất đầu tư thấp thời gian đưa vào sử dụng được rút ngắn so với dự kiến giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm chi phí chi phí đầu tư và lãi vay, hạ giá thành sản phẩm, hoàn thành vượt mức kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận;
- Sản phẩm của Công ty đã được Tổng công ty Điện lực miền Bắc cam kết tiêu thụ trong một thời gian dài, và mức độ cung cấp được điều chỉnh theo từng mùa trong năm, giúp Công ty luôn chủ động trong công tác lập kế hoạch sản xuất sát với thực tiễn và chủ động đưa ra các giải pháp để hoàn thành kế hoạch đó.
- Được sự ủng hộ của nhân dân địa phương, các cơ quan chính quyền tỉnh Hà Giang tạo điều kiện giúp đỡ, đặc biệt là công tác về an ninh bảo vệ tài sản nhà máy và tài sản của người lao động, tạo sự an tâm, tin tưởng cho cán bộ công nhân viên và lãnh đạo Công ty trong cuộc sống cũng như trong công việc.

Khó khăn

- Địa bàn tỉnh Hà Giang còn nghèo, các khu vực kinh tế phát triển chậm và chưa đồng đều, nhu cầu tiêu thụ điện thấp, đã làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Trong năm vừa qua tình hình thời tiết không thực sự thuận lợi cho ngành thủy điện trên cả nước, tình trạng khô hạn kéo dài, lưu lượng nước về các hồ có thủy điện ở mức thấp, nhà máy thường xuyên phải vận hành dưới công suất kế hoạch làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Hệ thống truyền tải 35 KV đã xuống cấp, hay bị các sự cố lưới điện làm ngưng trệ hoạt động vận hành nhà máy, ảnh hưởng đến sản lượng điện sản xuất ra.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của công ty trong ngành

Là loại hình thủy điện nhỏ, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu chỉ chiếm một thị phần khiêm tốn trong tổng sản lượng điện năng quốc gia. Với sản lượng điện cung cấp trung bình hàng năm khoảng 60 triệu KW/h, Công ty không có những ảnh hưởng lớn đến tình hình an ninh năng lượng của đất nước. Tuy nhiên do thị trường điện của Việt Nam hiện nay và trong những năm tiếp theo nguồn cung vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của các thành phần trong nền kinh tế. Sản phẩm điện thương phẩm của Nhà máy thủy điện Nậm Mu được EVN bao tiêu toàn bộ trong suốt thời gian dự án (25 năm) nên đầu ra được đảm bảo.

Bên cạnh những thế mạnh của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu như hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến hiện đại đảm bảo vận hành đạt hiệu suất cao và an toàn, đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm... thì HJS cũng có một số điểm yếu như: Sản phẩm chính của Công ty là điện thương phẩm (doanh thu bán điện thương phẩm chiếm bình quân 99% tổng doanh thu của toàn Công ty), vì thế trong điều kiện thị trường ngành điện còn tồn tại tình trạng độc quyền mua và bán điện, Công ty ít có khả năng tạo đột biến trong kết quả sản xuất kinh doanh nếu không đa dạng hoá sang các lĩnh vực kinh doanh khác.

Phát triển thủy điện vẫn nằm trong chiến lược ưu tiên phát triển nguồn phát điện của nước ta cho tới 2020. Do đó, các doanh nghiệp thủy điện tiếp tục nhận được nhiều ưu đãi, hỗ trợ từ phía Nhà nước. Tuy nhiên, trong giai đoạn sắp tới, khi nước ta bắt đầu hình thành thị trường mua bán điện cạnh tranh, Công ty phải nỗ lực để giảm giá thành sản xuất, cải tiến công nghệ, tìm kiếm khách hàng. Hơn nữa, trong tương lai sẽ có những nguồn năng lượng mới cạnh tranh hoặc thay thế thủy năng để sản xuất ra điện năng (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng nguyên tử....).

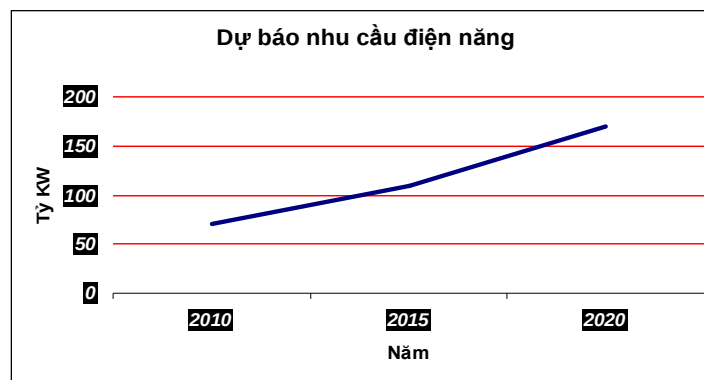
9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam là một trong những nước giàu thủy năng hàng đầu thế giới, với 2.360 con sông có tổng chiều dài hơn 42.000 km. Tiềm năng thủy điện ở Việt Nam ước tính ở mức 84 triệu MWh mỗi năm. Có khoảng 150 địa điểm có thể được sử dụng để xây dựng thủy điện với công suất thiết kế khoảng 18.000 đến 20.000 MW cho các nhà máy thủy điện lớn và vừa, 408 địa điểm khác đã được xác định là phù hợp cho các nhà máy thủy điện nhỏ (công suất dưới 30 MW), tạo ra tổng lượng điện khoảng 2.000 đến 4.000 MW.

Thị trường điện Việt Nam là thị trường có cung nhỏ hơn cầu, bởi vì mức tăng trưởng tiêu thụ điện năng tăng nhanh 15 đến 17 %/ năm so với mức tăng trung bình trên thế giới 2,3%/ năm. Nguồn điện năng trên thị trường hiện nay được cung cấp từ rất nhiều nguồn: nhiệt điện, thủy điện, diesel, tua bin, khí...

Đến tháng 2 năm 2015, tổng công suất đặt toàn hệ thống điện Việt Nam là 33.964 MW, đứng thứ 31 trên thế giới và thứ 3 khu vực Đông Nam Á về công suất đặt. Theo ước tính của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), trong giai đoạn từ 2010 – 2020, nhu cầu tiêu thụ điện cả nước tăng từ 92 tới 250 triệu MWh. Nhìn từ góc độ nhà cung cấp, tình trạng thiếu điện vẫn còn diễn ra khá phổ biến ở Việt Nam và ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Do thực trạng ngân sách nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước không đủ khả năng để đầu tư vào các dự án nguồn điện mới nên thị trường năng lượng điện hiện tại đã có sự tham gia tích cực của các nhà máy điện độc lập (IPP) và tập đoàn ngoài quốc doanh.

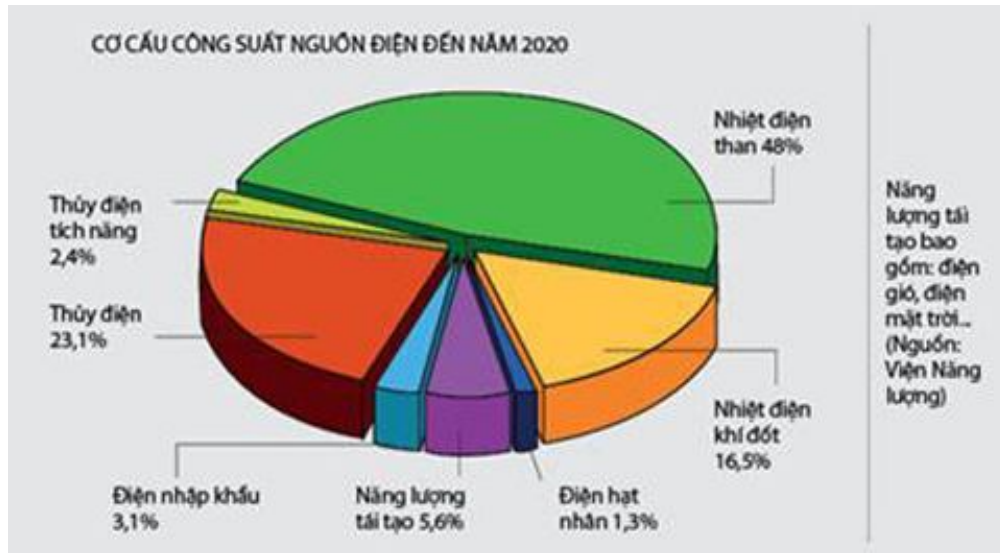
EVN là công ty nhà nước quản lý lĩnh vực năng lượng điện của Việt Nam và chịu trách nhiệm cung ứng điện trên toàn quốc. Hiện tại EVN chiếm khoảng 68% của Tổng sản lượng điện cung cấp trong nước, phần còn lại được cung cấp bởi các nhà máy điện độc lập và nhập khẩu từ các nước láng giềng. Với sự gia tăng nhu cầu điện trong những năm gần đây, Việt Nam đã và đang gặp nhiều khó khăn do sự thiếu hụt năng lượng. Nguyên nhân của sự thiếu hụt năng lượng điện chủ yếu là kết quả của việc EVN không có khả năng để phát triển các dự án điện mới do thiếu vốn. Tình hình tài chính của EVN trong những năm gần đây đã gặp nhiều khó khăn do chi phí đầu vào liên tục tăng, chính sách áp dụng giá trần trên giá điện và sự thiếu hiệu quả trong sản xuất và phân phối. Để giảm bớt tình trạng thiếu điện ở miền Bắc, Việt Nam bắt đầu mua điện từ Trung Quốc, tuy nhiên năm 2015 là năm hết hạn hợp đồng nhập khẩu điện với Trung Quốc.



(Nguồn: Tổng Công ty Điện lực Việt Nam)

Trong tháng 07 năm 2011, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 (Quy hoạch điện VII), trong đó nhấn mạnh an ninh năng lượng, hiệu suất năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo và tự do hoá thị trường năng lượng. Theo kế hoạch dự kiến, công suất phát điện tổng hợp của tất cả các nhà máy điện Việt Nam sẽ tăng lên 75.000 MW vào năm 2020, hướng đến mục tiêu 147.000 MW vào năm 2030. Để đạt được mục tiêu này, Chính phủ ước tính tổng vốn đầu tư cần thiết cho ngành điện khoảng 48,8 tỷ USD trong giai đoạn 2011 - 2020 và 75 tỷ trong giai đoạn 2021 - 2030. Mặc dù có sự đóng góp ngày càng lớn của nhiệt điện vào tổng công suất năng lượng điện của Việt Nam, tuy nhiên Quy hoạch điện VII vẫn ưu tiên phát triển thủy điện, nhất là các công trình có lợi ích tổng

hợp (cấp nước, chống lũ, chống hạn...). Khuyến khích đầu tư các nguồn thủy điện nhỏ và vừa với nhiều hình thức để tận dụng nguồn năng lượng sạch, tái sinh này.



Từ những số liệu thống kê nêu trên có thể nói thị trường điện Việt Nam còn rất rộng lớn, đầy tiềm năng phát triển. Ngoài ra, các chính sách thông thoáng của Nhà nước sẽ tạo điều kiện phát triển cho ngành điện và tạo ra sức hút đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào ngành này.

Theo luật Điện lực được Quốc hội thông qua ngày 03/12/2004 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012. Thị trường điện Việt Nam trong thời gian tới sẽ được phát triển theo ba cấp độ:

- i. Cấp độ 1 (từ năm 2005-2014) : Thị trường phát điện cạnh tranh
- ii. Cấp độ 2 (từ năm 2015-2022) : Thị trường bán buôn điện cạnh tranh
- iii. Cấp độ 3 (từ sau 2022) : Thị trường bán lẻ cạnh tranh.

Thị trường bán buôn điện cạnh tranh thí điểm

Trong giai đoạn 2015 – 2016, Nhà nước cho phép lựa chọn một số đơn vị phân phối và khách hàng lớn, trên cơ sở đó hình thành thị trường bán buôn điện cạnh tranh thí điểm và một số đơn vị bán buôn mới để tăng cường cạnh tranh trong khâu bán buôn điện. Các Công ty truyền tải điện Quốc gia trực thuộc EVN, các đơn vị phân phối, đơn vị vận hành hệ thống và đơn vị điều hành giao thị trường điện do EVN tiếp tục quản lý.

Từ năm 2017 đến năm 2022 cho phép các công ty phân phối điện thuộc EVN được chuyển đổi thành các Công ty độc lập (Công ty nhà nước hoặc cổ phần) để mua điện trực tiếp từ

các đơn vị phát điện và ngược lại, các đơn vị phát điện cũng cạnh tranh để bán điện cho các Công ty này. Các đơn vị bán buôn cũng tham gia cạnh tranh để bán điện cho các đơn vị phân phối và các khách hàng lớn.

Thị trường bán lẻ cạnh tranh thí điểm

Trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2024 thực hiện lựa chọn một số nhà phân phối có quy mô thích hợp để triển khai thí điểm. Theo mức độ tiêu thụ do Cục Điều tiết điện lực quy định, các khách hàng được quyền lựa chọn nhà cung cấp điện cho mình (đơn vị bán lẻ điện). Chức năng kinh doanh bán lẻ điện của các Công ty phân phối được lựa chọn thí điểm sẽ được tách ra khỏi chức năng quản lý và vận hành lưới phân phối, các đơn vị bán lẻ sẽ cạnh tranh nhau để bán điện tới từng khách hàng sử dụng điện và cạnh tranh để mua bán điện từ các đơn vị bán buôn điện.

Từ năm 2024 thực hiện thị trường bán lẻ điện cạnh tranh hoàn chỉnh. Theo mức độ tiêu thụ điện do Cục Điều tiết điện lực quy định, các khách hàng sử dụng điện trên toàn quốc được quyền lựa chọn nhà cung cấp điện cho mình (đơn vị bán lẻ) hoặc trực tiếp mua từ thị trường. Các tổ chức, cá nhân đáp ứng yêu cầu về hoạt động điện lực được phép thành lập mới các đơn vị bán lẻ điện để cạnh tranh trong khâu bán lẻ. Các đơn vị này được quyền mua điện từ các đơn vị phát điện hoặc từ thị trường để bán lẻ cho khách hàng sử dụng điện.

9.3 *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.*

Đứng trước thực trạng ngành điện nói chung và lĩnh vực thủy điện nói riêng, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu đã đề ra nhiều biện pháp nhằm nâng cao sản lượng điện thương phẩm hàng năm và hạ giá thành sản phẩm, cụ thể như:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đầu tư nâng cao năng lực thiết bị của nhà máy nhằm nâng cao hiệu quả cho sản xuất kinh doanh.
- Liên lạc chặt chẽ với nhà máy thủy điện Nậm Ngần và Nhà máy thủy điện Nậm An để nắm chắc chế độ thủy văn, kế hoạch chạy máy, sửa chữa để phối hợp thực hiện một cách hiệu quả nhất và vận hành lòng hồ và đăng ký công suất, thời gian phát điện hợp lý để đảm bảo suất tiêu hao nước trên 1kWh.
- Nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Coi trọng công tác thông tin liên lạc với Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia và Trung tâm điều độ hệ thống điện miền Bắc.

- Kiểm tra, rà soát các chi phí quản lý vận hành, các định mức, đơn giá chi phí quản lý nội bộ để điều chỉnh phù hợp, kịp thời trên cơ sở tiết kiệm tối thiểu 5 - 10% tổng chi phí.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm ngày 31/05/2015, tổng số lao động hiện có của Công ty là 156 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân loại theo trình độ học vấn như sau:

Bảng: Nguồn nhân lực của công ty phân theo trình độ học vấn

STT	Trình độ học vấn	Số người	Tỷ trọng
1	Trình độ Đại học	22	14,10%
2	Trình độ cao đẳng	3	1,92%
3	Trình độ trung cấp	3	1,92%
4	Công nhân các ngành nghề	128	82,05%
Tổng cộng		156	100,00%

(Nguồn: HJS)

Lực lượng lao động của Công ty tập trung chủ yếu ở đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề và kể đến là đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn nghiệp vụ với bề dày kinh nghiệm trên 25 năm trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực thiết kế biện pháp tổ chức thi công, tổ chức quản lý và điều hành sản xuất tại các dự án lớn của các công trình thủy điện. Có thể nói, đây chính là một trong những thế mạnh to lớn của công ty so với các đơn vị kinh cùng kinh doanh về điện trong Tổng công ty.

Con người là trung tâm của mọi hoạt động và trong cơ chế thị trường để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, yếu tố chất lượng nguồn nhân lực phải được đặt lên hàng đầu. Nhận thức được điều đó, trong những năm qua Công ty luôn có chính sách thu hút nguồn cán bộ, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao vào làm việc, bằng các hình thức đãi ngộ về lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác... 100% số cán bộ công nhân viên trong Công ty đã được thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, mức lương bình quân của người lao động trong Công ty hiện nay là 6,6 triệu đồng/ người/ tháng. Để duy trì và phát triển nguồn nhân lực của mình, hàng năm đơn vị cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô kinh doanh, phát triển sản xuất.

10.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- Công ty luôn đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật về lao động như: Trích nộp đầy đủ và đúng hạn bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho cán bộ công nhân viên.
- Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho Cán bộ công nhân viên. Nhiều cán bộ có trình độ, năng lực phẩm chất đã được cử tham gia các khoá đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn cả trong lẫn ngoài nước.
- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng, động viên kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có đóng góp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và doanh thu; đồng thời cũng áp dụng những biện pháp, quy định xử phạt đối với những Cán bộ công nhân viên vi phạm nội quy, kỷ luật lao động.
- Công tác bảo hộ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cũng nhận được sự quan tâm thích đáng của Công ty. Công ty đã ban hành đồng bộ hệ thống các quy định về an toàn lao động, tổ chức huấn luyện hướng dẫn Cán bộ công nhân viên sử dụng an toàn thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, tổ chức kiểm tra định kỳ hàng tháng, hàng quý độ tin cậy và an toàn của các thiết bị máy móc, công trình thủy công.
- Công ty phối hợp với Công đoàn tổ chức các đợt phát động thi đua lao động sản xuất, đẩy mạnh công tác văn - thể - mỹ, nâng cao đời sống tinh thần cho Cán bộ công nhân viên.

❖ Về chính sách khen thưởng

Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

11. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới. Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu số 01NQ/ĐHĐCĐ/2015 ngày 23 tháng 05 năm 2015 đã phê duyệt tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu năm 2013 và năm 2014 là 10%.

12. Tình hình tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	13 – 40
Máy móc, thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị văn phòng	05
TSCĐ khác	03 – 05

(Nguồn: HJS)

❖ Mức lương bình quân:

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty qua các năm:

Bảng : Mức lương bình quân (Đồng/người/tháng)

Năm	2012	2013	2014
Thu nhập bình quân	7.174.000	5.793.000	6.604.0000

(Nguồn: HJS)

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

❖ Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014	06 tháng đầu năm 2015
Thuế Giá trị gia tăng	6.308	3.839	5.067
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.896	1.356	2.160
Thuế Thu nhập cá nhân	556	388	443
Thuế tài nguyên	1.258	2.442	3.130
Các loại thuế khác	343	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	85	1.417
Tổng cộng	10.361	8.110	12.217

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2015 - HJS)

Nhà máy Thủy điện Nậm Mu được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4211/BKH-PTDN ngày 11/07/2003 và theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thì: Nhà máy Thủy điện Nậm Mu được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh ; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2014 là năm thứ 11 Nhà máy được hưởng ưu đãi thuế suất 10% và là năm thứ 07 Nhà máy được giảm 50% thuế phải nộp.

Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần được UBND tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 102110000002 ngày 27/02/2007 và theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thì: Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm thứ 02 Nhà máy được giảm 50% thuế phải nộp.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định:**

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty Cổ phần và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể như sau:

Bảng: Trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
Quỹ Đầu tư phát triển	12.218	17.901	27.009
Quỹ Dự phòng tài chính	4.904	6.040	-
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	1.139	1.266	968
Tổng cộng	18.261	25.207	27.977

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2015- HJS)

❖ **Tổng dư nợ vay:**

Bảng: Tình hình Tổng dư nợ vay năm 2013, 2014, 06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		6 tháng đầu năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Vay và Nợ ngắn hạn (*)	198.737	64,0%	81.846	26,5%	45.754	16,8%
Vay và Nợ dài hạn (**)	111.549	36,0%	226.669	73,5%	226.669	83,2%
Tổng cộng	310.286	100,0%	308.515	100,0%	272.423	100,0%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2015- HJS)

(*) Chi tiết các khoản vay và nợ ngắn hạn tính đến 30/06/2015

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	06 tháng đầu năm 2015
Vay ngắn hạn	51.611	3.054	0
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	47.450	-	-
Vay cá nhân	4.161	-	-
Công ty tài chính cổ phần Sông Đà	-	3.054	-
Vay dài hạn đến hạn phải trả	59.938	78.792	45.754
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Giang	41.284	21.510	12.906
Ngân hàng Phát triển Hà Giang	16.339	19.197	13.806
Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt	-	10.000	5.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Petrolimex	-	24.733	12.366
Công ty tài chính cổ phần Sông Đà	2.315	3.352	1.676
Tổng cộng	111.549	81.846	45.754

(**) Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn tính đến 30/06/2015

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	06 tháng đầu năm 2015
Vay dài hạn	231.098	226.669	
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Giang	73.878	21.512	21.512
Ngân hàng Phát triển Hà Giang	34.030	18.970	18.970
Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt	105.150	95.150	95.150
Ngân hàng Thương mại cổ phần Petrolimex	-	76.349	76.349
Công ty tài chính cổ phần Sông Đà	18.040	14.688	14.688
Nợ dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	231.098	226.669	226.669

❖ **Tình hình công nợ hiện nay:**

Các khoản nợ phải thu:

Bảng: Một số chỉ tiêu về các khoản phải thu năm 2013, 2014, 06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Phải thu ngắn hạn	52.144	53.370	66.293
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	12.133	15.697	27.066

2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.551	1.084	1.346
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	25.800	24.900	24.700
4	Các khoản phải thu khác	9.669	11.689	13.181
5	Dự phòng phải thu khó đòi	(9,5)	-	-
II	Phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	52.144	53.370	66.293

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2015- HJS)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản nợ phải trả:

Bảng: Một số chỉ tiêu về các khoản nợ phải trả năm 2013, 2014, 06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
I	Nợ ngắn hạn	198.736	161.475	118.900
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	111.549	81.846	45.754
2	Phải trả người bán ngắn hạn	14.867	8.738	9.140
3	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	800	800
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.361	8.113	12.217
5	Phải trả người lao động	5.834	1.979	3.771
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	5.568	4.365	426
7	Phải trả nội bộ	-	-	-
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	-	-	-
9	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	49.418	54.370	45.825
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.139	1.266	968
II	Nợ dài hạn	231.099	226.669	226.669
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	231.099	226.668	226.669
	Tổng cộng	429.835	388.144	345.569

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2015- HJS)

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, nợ dài hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất do đặc thù của ngành thủy điện, vốn đầu tư ban đầu thường rất lớn, và chủ yếu được tài trợ bằng nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng. Hiện nay, Công ty có một số hợp đồng tín dụng dài hạn như: Hợp đồng số 02.NN/HĐTD với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Giang, Hợp đồng số 01/2006/HĐ-ODA KfW và hợp đồng số 02/2006/HĐTD với Ngân hàng Phát triển Hà

Giang, Hợp đồng số 109/2011.HDTD-DN với Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt, Hợp đồng số 108.148403/HĐTD/PGBHN với Ngân hàng Thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex và Hợp đồng số 0020008/041/09/DH với Công ty tài chính Cổ phần Sông Đà, đây là các khoản vay để đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện Nậm An và Nậm Ngần. Hàng năm Công ty luôn thực hiện thanh toán đúng hạn cả gốc và lãi vay theo lịch biểu mà hai bên đã ký kết trong hợp đồng, được Ngân hàng đánh giá là đơn vị có uy tín trong hoạt động tín dụng.

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

❖ Chỉ tiêu tài chính hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0,34	0,44	0,58
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,32	0,38	0,58
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	68,82%	65,97%	61,75%
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	220,70%	193,85%	161,46%
3	Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động				
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	18,39	6,58	72,48
	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	%	0,20	0,24	0,15
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	16,90%	15,09%	17,99%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	10,86%	10,63%	6,90%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	3,39%	3,62%	2,64%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	15,44%	17,20%	21,55%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2015- HJS)

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh của Công ty ở mức chấp nhận được và có chiều hướng được cải thiện dần qua các năm.

- ❖ Do đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong ngành ngành thủy điện, hệ số nợ và tỷ lệ tài sản cố định trên tổng tài sản ở mức cao, vì công ty phải huy động vốn vay dài hạn để đầu tư tài sản cố định. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, Công ty đã cố gắng cải thiện các hệ số này theo hướng tăng tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn.

- ❖ Mặc dù chi phí lãi vay và khấu hao lớn, nhưng có thể thấy tình hình kinh doanh của Công ty đã đạt được những kết quả nhất định. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân đạt gần 11%/ năm, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu duy trì ở mức trên 16%/ năm.

❖ **Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0,15	0,19	0,25
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,14	0,13	0,24
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	69,34%	66,65%	62,75%
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	226,17%	199,84%	168,44%
3	Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động				
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	18,65	6,92	73,09
	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	%	19,87%	25,44%	14,61%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	18,17%	12,79%	16,70%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	11,77%	9,76%	6,55%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	3,61%	3,25%	2,44%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	16,06%	14,52%	19,93%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2015- HJS)

13. Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1 Hội đồng Quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMTND
1	Ông Hà Ngọc Phiêm	Chủ tịch HĐQT	1959	012999045
2	Ông Đỗ Văn Hà	Thành viên HĐQT - TGD	1960	011097572
3	Ông Trần Thế Quang	Thành viên HĐQT	1975	171776770
4	Ông Đào Quang Dũng	Thành viên HĐQT	1962	113062878
5	Ông Bùi Vi Dương	Thành viên HĐQT	1978	011849481

Ông HÀ NGỌC PHIÊM – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

+ Giới tính : Nam

- + Ngày sinh : 19/02/1959
- + Nơi sinh : Xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
- + Số CMTND : 012999045 do CA Hà Nội cấp ngày 10/11/2007
- + Dân tộc : Kinh
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Quê quán : An Bồi - Kiến Xương – Thái Bình
- + Địa chỉ thường trú : Số nhà A4, C3 – Tổ 16A, Ngõ 154, Phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- + Trình độ văn hoá : 10/10
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi – Trường Đại học Thủy Lợi
- + Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
08/1985 – 1988	Công ty xây dựng Thủy công – TCT Xây dựng Sông Đà	Cán bộ kỹ thuật
1989 – 1990	Công ty xây dựng Thủy công – TCT Xây dựng Sông Đà	Phó phòng thi công
1991 – 1993	Xí nghiệp Xây dựng thủy điện SeeLaBam – Lào - Công ty xây dựng Thủy công – TCT Xây dựng Sông Đà	Trưởng phòng Kỹ thuật
1994 – 1996	Công ty Sông Đà 8 - TCT Xây dựng Sông Đà	Trưởng phòng kỹ thuật
01/1997 - 05/2001	Công ty KDVT & Xây lắp Sông Đà 15 - TCT Xây dựng Sông Đà	Phó Giám đốc
06/2001-04/2004	Xí nghiệp 905 – Công ty Sông Đà 9 – TCT Sông Đà	Giám đốc Xí nghiệp
05/2004 - 05/2015	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Giám đốc, Ủy viên HĐQT
06/2010 – nay	Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Chủ tịch HĐQT
2006 - 05/2015	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Thành viên HĐQT
06/2015 – nay	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Chủ tịch HĐQT

- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : **Chủ tịch Hội đồng Quản trị**
- + Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT CTCP Sông Đà Tây Đô
- + Số lượng cổ phần nắm giữ : 1.625.000 cổ phần.
- Sở hữu cá nhân : 75.000 cổ phần.
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 1.550.000 cổ phần.
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của TCPH : không.
- + Hành vi vi phạm pháp luật : không.

ÔNG ĐỖ VĂN HÀ – THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

- + Giới tính : Nam

- + Ngày sinh : 01/08/1960
- + Nơi sinh : Phụng Thượng - Phúc Thọ - Hà Nội
- + Số CMTND : 011097572 cấp ngày 13/08/2008 tại Hà Nội
- + Dân tộc : Kinh
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Quê quán : Phụng Thượng - Phúc Thọ - Hà Nội
- + Địa chỉ thường trú : Phòng 305 – Toà nhà hỗn hợp – Phường Mỹ Đình 2 – Quận Nam Từ Liêm.
- + Trình độ văn hoá : 10/10
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thuỷ lợi – Đại học Thủy Lợi
- + Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
8/1983 – 5/1989	Công ty thi công cơ giới Sông Đà Hoà Bình	Cán bộ Kỹ thuật
6/1989 – 3/1990	Công ty xây lắp thi công cơ giới Sông Đà Hoà Bình	Đội trưởng
4/1990 – 7/1991	Công ty thi công cơ giới Sông Đà Hoà Bình	Phó giám đốc Xí nghiệp
8/1991 – 3/1993	Công ty xây lắp thi công cơ giới Sông Đà Hoà Bình	Đội trưởng đội thi công công trình Vĩnh Sơn
4/1993 – 12/1998	Công ty xây lắp thi công cơ giới Sông Đà 9 – Yaly – Gia Lai	Khu trưởng
1/1999 – 4/2001	Công ty thi công cơ giới Sông Đà 18/9 – Biên Hoà	Giám đốc chi nhánh
5/2001 – 12/2002	Sông Đà 907, thị trấn Pờ Rao – huyện Hiên – Quảng Nam	Giám đốc Xí nghiệp
1/2003 – 4/2003	Sông Đà 907, Công ty Sông Đà 9 – Na Hang – Tuyên Quang	Giám đốc Xí nghiệp
5/2003 – 2/2004	Chi nhánh Sông Đà 904 A Roàng - A Lưới - Thừa Thiên Huế	Giám đốc
3/2004 – 2/2005	Công ty Sông Đà 908 - Mường La - Sơn La	Giám đốc Chi nhánh
3/2005 – 3/2006	Công ty Sông Đà 9-Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội	Phó giám đốc
4/2006 – 12/2007	Chi nhánh Sông Đà 907 - Na Hang - Tuyên Quang	Giám đốc
1/2008 – 7/2010	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Phó TGĐ Công ty – Giám đốc Ban dự án Thủy điện Nậm Khánh
8/2010 – 12/2010	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Phó TGĐ Công ty – Giám đốc chi nhánh Sông Đà 905
01/2011 – nay	Công ty Cổ phần Sông Đà 9, Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội	Phó Tổng giám đốc
2010 - nay	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Thành viên HĐQT
06/2015 - nay	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Tổng Giám đốc

- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : **Thành viên HĐQT - Tổng Giám Đốc**
- + Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ, Phó Tổng Giám Đốc - CTCP Sông Đà 9

- + Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của TCPH : không.
- + Hành vi vi phạm pháp luật : không.

ÔNG TRẦN THẾ QUANG – THÀNH VIÊN HĐQT

- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 17/04/1975
- + Nơi sinh : Xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
- + Số CMTND : 171776770 cấp ngày 15/7/2013 tại Đà Nẵng
- + Dân tộc : Kinh
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Quê quán : Xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
- + Địa chỉ thường trú : Số 01 Trần Văn Giáp, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- + Trình độ văn hoá : 10/10
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi – Đại học Thủy lợi
- + Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
8/1997 - 5/2001	Công ty KDVT&XD Sông Đà 15	Kỹ thuật thi công
6/2001 - 8/2003	Trung tâm KH&TKKT Thủy lợi - Đại học thủy lợi	Cán bộ Tư vấn giám sát
9/2003 - 4/2004	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Nhân viên Phòng Quản lý kỹ thuật
5/2004 - 8/2006	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật
9/2006 - 5/2007	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	PGĐ Chi nhánh Sông Đà 903
6/2007 - 8/2008	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	GD Chi nhánh Sông Đà 904
8/2008 - 12/2013	Công ty Cổ phần Sông Đà 901	Giám đốc
1/2014 - nay	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	GD Chi nhánh Sông Đà 901
06/2015 - nay	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Thành viên Hội đồng Quản trị

- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : **Thành viên Hội đồng Quản trị**
- + Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Giám đốc chi nhánh Sông Đà 901 – CTCP Sông Đà 9
- + Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần
+ Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không
+ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của TCPH : không.
+ Hành vi vi phạm pháp luật : không.

ÔNG ĐÀO QUANG DŨNG - THÀNH VIÊN HĐQT

- + Giới tính : Nam
+ Ngày sinh : 04/08/1962
+ Nơi sinh : Hà Đông, Hà Nội
+ Số CMTND : 113062878 cấp ngày 14/03/2007 tại Hoà Bình
+ Dân tộc : Kinh
+ Quốc tịch : Việt Nam
+ Quê quán : Xã Cừu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
+ Địa chỉ thường trú : Phường Tân Thịnh, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình
+ Trình độ văn hoá : 10/10
+ Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư công nghệ Silicat ĐHBK Hà Nội
+ Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
8/1985 – 4/1995	Tổng công ty Sông Đà	Cán bộ kỹ thuật
5/1995 – 12/2001	Nhà máy Xi măng Sông Đà	Phó Giám đốc
1/2002 – nay	Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà	Giám đốc
2006 - nay	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Thành viên Hội đồng Quản trị

- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : **Thành viên Hội đồng Quản trị**
+ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Giám đốc – CTCP Xi măng Sông Đà
+ Số lượng cổ phần nắm giữ : 750.000 cổ phần
Sở hữu cá nhân : 750.000 cổ phần
Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần
+ Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không
+ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của TCPH : không.
+ Hành vi vi phạm pháp luật : không.

ÔNG BÙI VI DƯƠNG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- + Giới tính : Nam

- + Ngày sinh : 27/10/1978
- + Nơi sinh : Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
- + Số CMTND : 011849481 cấp ngày 11/07/2009 tại Hà Nội
- + Dân tộc : Kinh
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Địa chỉ thường trú : B15, Tập thể Bộ Nội vụ, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. 69 Trần Quốc Toản, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- + Trình độ văn hoá : 10/10
- + Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kiến trúc
- + Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
10/2000 – 4/2002	Công ty phát triển Kỹ thuật Xây dựng Hà Nội – Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	Kiến trúc sư
8/2004 – 4/2008	Văn phòng thiết kế Peter Rose, Cambridge, Mỹ	Kiến trúc sư
8/2008 – 7/2010	Ban Quản lý Làng văn hoá các Dân tộc Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam	Chuyên viên Kiến trúc Ban Quy Hoạch, Kiến trúc, Môi trường
2010 – nay	CTCP Kiến trúc DA&A, Hà Nội, Việt Nam	Phó Giám Đốc
05/2013 - nay	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Thành viên Hội đồng Quản trị

- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : **Thành viên Hội đồng Quản trị**
- + Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Phó Giám Đốc - CTCP Kiến trúc DA&A, Hà Nội, Việt Nam
- + Số lượng cổ phần nắm giữ : 33.300 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 33.300 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:

STT	Họ tên	Quan hệ với Ông Bùi Vi Dương	Số lượng cổ phần sở hữu
1	Bùi Thị Mai Hương	Mẹ	20.200
2	Nguyễn Thị Hồng Ánh	Vợ	7.400

- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của TCPH : không.
- + Hành vi vi phạm pháp luật : không.

13.2 Ban Giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMTND
1	Ông Đỗ Văn Hà	Thành viên HĐQT - TGD	1960	011097572
2	Ông Nguyễn Viết Kỳ	Phó Giám Đốc	1978	111308835
3	Ông Bùi Trọng Cẩn	Phó Giám Đốc	1979	182256533
4	Ông Phùng Xuân Hưng	Phó Giám Đốc	1979	162265396

ÔNG ĐỖ VĂN HÀ – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - TỔNG GIÁM ĐỐC

(Chi tiết tại mục “13.1 Hội đồng Quản trị”).

ÔNG NGUYỄN VIẾT KỲ - PHÓ GIÁM ĐỐC

- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 18/04/1978
- + Nơi sinh : Trạch Mỹ Lộc – Phúc Thọ - Hà Nội
- + Số CMTND : 111308835 cấp ngày 28/03/1995 tại Hà Tây
- + Dân tộc : Kinh
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Quê quán : Trạch Mỹ Lộc – Phúc Thọ - Hà Nội
- + Địa chỉ thường trú : Trạch Mỹ Lộc – Phúc Thọ - Hà Nội
- + Trình độ văn hoá : 10/10
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- + Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
2001 – 2003	Phòng dự án Công ty CP&DT Công trình 1 – TCT Đường thủy	
2003 – 2009	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Trưởng phòng KTKH
2010 đến nay	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Phó Giám đốc

- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : **Phó Giám Đốc CTCP Thủy điện Nậm Mu**
- + Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- + Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của TCPH : không.
- + Hành vi vi phạm pháp luật : không.

ÔNG BÙI TRỌNG CẦN – PHÓ GIÁM ĐỐC

- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 03/01/1979
- + Nơi sinh : Lăng Thanh – Yên Thành – Nghệ An
- + Số CMTND : 182256533 cấp ngày 15/03/1997 tại Nghệ An
- + Dân tộc : Kinh
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Quê quán : Lăng Thanh – Yên Thành – Nghệ An
- + Địa chỉ thường trú : Lăng Thanh – Yên Thành – Nghệ An
- + Trình độ văn hoá : 10/10
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
- + Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
2003 – 2008	Công ty CP Thủy điện Nậm Mu	Trưởng ca vận hành nhà máy Thủy điện Nậm Mu
2008 – 2009	Công ty CP Thủy điện Nậm Mu	Phó Quản đốc PXVH Thủy điện Nậm Mu
2009 – 2010	Công ty CP Thủy điện Nậm Mu	Quản đốc PXVH Thủy điện Nậm Ngàn
2010 đến nay	Công ty CP Thủy điện Nậm Mu	Phó Giám Đốc

- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : **Phó Giám Đốc CTCP Thủy điện Nậm Mu**
- + Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không có
- + Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- + Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của TCPH : không.
- + Hành vi vi phạm pháp luật : không.

ÔNG PHÙNG XUÂN HÙNG – PHÓ GIÁM ĐỐC

- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 13/11/1979
- + Nơi sinh : Yên Bình – Ý Yên – Nam Định
- + Số CMTND : 162265396 cấp ngày 11/04/1997 tại Nam Định

- + Dân tộc : Kinh
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Quê quán : Yên Bình – Ý Yên – Nam Định
- + Địa chỉ thường trú : Yên Bình – Ý Yên – Nam Định
- + Trình độ văn hoá : 10/10
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
- + Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
2003 – 2008	Công ty CP Thủy điện Nậm Mu	Trưởng ca vận hành nhà máy Thủy điện Nậm Mu
2008 – 2009	Công ty CP Thủy điện Nậm Mu	Phó Quản đốc Nhà máy Thủy điện Nậm Mu
2009 – 2010	Công ty CP Thủy điện Nậm Mu	Quản đốc Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần
2010 đến nay	Công ty CP Thủy điện Nậm Mu	Phó Giám Đốc

- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : **Phó Giám Đốc CTCP Thủy điện Nậm Mu**
- + Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không có
- + Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của TCPH : không.
- + Hành vi vi phạm pháp luật : không.

13.3 Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMTND
1	Ông Quách Mạnh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát	1981	131596963
2	Ông Vũ Tiến Hưng	Thành viên Ban Kiểm soát	1975	113277868
3	Bà Nguyễn Thanh Lệ	Thành viên Ban Kiểm soát	1986	012685884

ÔNG QUÁCH MẠNH HẢI – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 16/12/1981
- + Nơi sinh : Thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
- + Số CMTND : 131596963 cấp ngày 28/06/2007 tại Phú Thọ
- + Dân tộc : Kinh
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Quê quán : Thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
- + Địa chỉ thường trú : Phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
- + Trình độ văn hoá : 10/10
- + Trình độ chuyên môn : Đại học
- + Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
5/2004 – 2006	Ban điều hành DATĐ Sê San 3 - Tổng công ty Sông Đà	Nhân viên Phòng Tài chính kế toán
2006 - 9/2007	Ban điều hành DATĐ Sê San 3 - Tổng công ty Sông Đà	Phó phòng Tài chính kế toán
10/2007- 8/2011	Ban điều hành DATĐ Xêkaman 1-Tổng công ty Sông Đà	Trưởng phòng Tài chính kế toán
9/2011 - 3/2014	Công ty Cổ phần Sông Đà 901	Kế toán trưởng
3/2014 - 7/2014	Chi nhánh Sông Đà 901- Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Kế toán trưởng
8/2014 -11/2014	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Phó phòng Tài chính kế toán
12/2014- nay	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Kế toán trưởng
06/2015 - nay	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Trưởng Ban Kiểm soát

- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : **Trưởng Ban Kiểm soát**
- + Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Kế toán trưởng CTCP Sông Đà 9
- + Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không
 - + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của TCPH : không.
 - + Hành vi vi phạm pháp luật : không.

ÔNG VŨ TIẾN HƯNG – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 05/11/1975
- + Nơi sinh : Duyên Hưng – Nam Lợi – Nam Trực - Nam Định
- + Số CMTND : 113277868 cấp ngày 23/06/2004 tại Hòa Bình
- + Dân tộc : Kinh
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Quê quán : Duyên Hưng, Nam Lợi, Nam Trực, Nam Định
- + Địa chỉ thường trú : Tổ 19 – Phường Tân Thịnh, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
- + Trình độ văn hoá : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Đại học
- + Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
1997 - 1998	Chi nhánh Công ty XL-VT-VT Sông Đà 12 tại Hòa Bình	Nhân viên Kế toán
1999 – 2000	Chi nhánh Công ty XL-VT-VT Sông Đà 12 tại Hòa Bình	Phó Kế toán trưởng
2000 – 2001	Chi nhánh Công ty XL-VT-VT Sông Đà 12 tại Hòa Bình	Kế toán trưởng
03/2001 - nay	Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà	PGĐ - Kế toán trưởng
2006 - nay	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Thành viên BKS

- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : **Thành viên Ban Kiểm soát**
- + Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Phó Giám Đốc - Kế toán trưởng CTCP Xi măng Sông Đà
- + Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- + Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của TCPH : không.
- + Hành vi vi phạm pháp luật : không.

BÀ NGUYỄN THANH LỆ - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- + Giới tính : Nữ
- + Ngày sinh : 24/12/1986
- + Nơi sinh : Tiên Dương – Đông Anh – Hà Nội
- + Số CMTND : 012685884 cấp ngày 04/04/2012 tại Hà Nội
- + Dân tộc : Kinh
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Quê quán : Tiên Dương – Đông Anh – Hà Nội
- + Địa chỉ thường trú : Thôn Trung Oai, Xã Tiên Dương, Huyện Đông Anh, Hà Nội
- + Trình độ văn hoá : 10/10
- + Trình độ chuyên môn : Đại học
- + Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
3/2003 – 1/2010	Công ty Cổ phần Thủy điện Nam Mu	Nhân viên Ban TCKT – Ban Quản lý các dự án
2/2010 - 6/2014	Công ty Cổ phần Thủy điện Nam Mu	Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán
7/2014 - nay	Công ty Cổ phần Thủy điện Nam Mu	Phó phòng Tài chính – Kế toán
06/2015 - nay	Công ty Cổ phần Thủy điện Nam Mu	Thành viên BKS

- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : **Thành viên Ban Kiểm soát**
- + Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : không có
- + Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của TCPH : không.
- + Hành vi vi phạm pháp luật : không.

13.4 Kế toán trưởng

ÔNG TRẦN THANH HÀ – KẾ TOÁN TRƯỞNG

- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 16/03/1980
- + Nơi sinh : Dũng Nghĩa, Vũ Thư, Thái Bình
- + Số CMTND : 151340278 cấp ngày 22/03/2010 tại Thái Bình
- + Dân tộc : Kinh
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Quê quán : Dũng Nghĩa
- + Địa chỉ thường trú : Dũng Nghĩa
- + Trình độ văn hoá : 10/10
- + Trình độ chuyên môn : Đại học
- + Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị	Vị trí công tác
2004 – 2007	Công ty CP Thủy điện Nậm Mu	Nhân viên phòng TCKT
1/2008 – 9/2008	Công ty CP Thủy điện Nậm Mu	Phó Kế toán trưởng
10/2008 đến nay	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Kế toán trưởng

- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : **Kế toán trưởng**
- + Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không có
- + Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- + Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : không có
- + Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: không
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của TCPH : không.
- + Hành vi vi phạm pháp luật : không.

14. Tài sản:

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014

Bảng: Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013		31/12/2014	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I. Tài sản cố định hữu hình	706.904	550.108	706.079	510.498
Nhà cửa, vật kiến trúc	511.752	406.773	508.096	380.186
Máy móc thiết bị	183.608	136.663	186.545	124.692
Phương tiện vận tải	11.380	6.623	11.380	5.604
Thiết bị, dụng cụ quản lý	164	49	58	16
II. Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-
Tổng	706.904	550.108	706.079	510.498

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2015 - HJS)

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2015

Bảng: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2015 - 2016

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
	Kế hoạch (đồng)	% tăng giảm so với năm 2014	Kế hoạch (đồng)	% tăng giảm so với năm 2015
Vốn điều lệ	209.999.820.000	40,00%	209.999.820.000	0,00%
Doanh thu	153.500.000.000	6,15%	160.000.000.000	4,23%
Lợi nhuận sau thuế	29.000.000.000	51,20%	32.000.000.000	10,34%
Tỷ suất LNST / Vốn điều lệ (%)	13,81%	8,00%	15,24%	10,34%
Tỷ suất LNST / Doanh thu (%)	18,89%	42,43%	20,00%	5,86%
Tỷ lệ cổ tức trên VDL	10,00%	0,00%	10,00%	0,00%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015 – HJS

Các căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận

Thị trường điện Việt Nam là thị trường có cung nhỏ hơn cầu, vì mức tăng trưởng tiêu thụ điện năng tăng nhanh 15-17%/ năm so với mức tăng trung bình trên thế giới 2,3%/ năm. Mặt khác nền kinh tế Việt Nam đang ở trong giai đoạn tăng trưởng phục hồi và ổn định, tốc độ tăng

trường GDP hàng năm khoảng 6,5%/ năm. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP 06 tháng đầu năm 2015 là 6,28%, là mức tăng trưởng cao nhất trong 05 năm qua. Kinh tế tăng trưởng, kéo theo sự tăng trưởng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt và sản xuất, đảm bảo sản lượng điện của các doanh nghiệp sản xuất ra đến đâu sẽ được tiêu thụ hết đến đó.

Việc lập kế hoạch sản xuất điện thương phẩm của Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mu năm 2015 dựa trên các yếu tố sau: công suất thiết kế trung bình nhiều năm; sản lượng điện trung bình nhiều năm đã vận hành; kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa, số giờ khả dụng của Nhà máy năm 2015; tình hình dự báo khí tượng thủy văn lưu vực hồ chứa năm 2015.... Dựa trên những căn cứ đã nêu đồng thời tính toán tới diễn biến của điều kiện thời tiết, Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 với các chỉ tiêu cao hơn không đáng kể so với năm 2014 nhưng dự kiến vẫn giữ nguyên tỷ lệ cổ tức. Kế hoạch doanh thu năm 2015 chỉ tăng 6,15% so với năm 2014 là do trong năm 2015, Công ty thực hiện tái cấu trúc toàn diện, tiến hành thoái vốn đầu tư ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện, chỉ thực hiện duy nhất công tác sản xuất kinh doanh điện tại các Nhà máy thủy điện Nậm Mu, Ngâm Ngân và Nậm An.

Bên cạnh đó, Ban quản lý Công ty đã đề ra chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2015 - 2018 như sau:

- Xây dựng và phát triển Công ty trở thành một đơn vị đầu tư, xây dựng và kinh doanh điện chuyên ngành, có khả năng làm chủ đầu tư và vận hành các công trình, dự án điện lớn trên địa bàn tỉnh Hà Giang và các tỉnh lân cận.
- Phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, lấy hiệu quả kinh tế là thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững của Công ty, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và phát triển Tổng công ty Sông Đà trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu.

Chúng tôi cho rằng mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty là hoàn toàn có thể thực hiện được vì các lý do sau:

- Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng phục hồi và ổn định, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm khoảng 6,5%. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP 06 tháng đầu năm 2015 là 6,28%, là mức tăng trưởng cao nhất trong 05 năm qua.
- Thị trường tiêu thụ điện năng hàng năm của Việt Nam tăng trung bình từ 15-17%/ năm. Trong những năm sắp tới nguồn cung cấp điện của đất nước không đủ bù đắp cho nhu cầu về điện của nền kinh tế. Cụ thể, nhu cầu điện thương phẩm năm 2015 được ước tính tăng

10% - tương đương 139,1 tỷ kWh, trong đó điện sản xuất của EVN (chiếm 63% Tổng công suất hệ thống điện toàn Việt Nam) dự kiến là 68,1 tỷ kWh. Đáng chú ý là năm 2015 cũng là năm hết hạn hợp đồng nhập khẩu điện từ Trung Quốc.

- Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty, thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà công ty đưa ra là có tính khả thi và có thể đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch (trên thị trường có tổ chức)

Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán:

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán:

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu:

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá:

10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần).

3. Tổng số cổ phần dự kiến chào bán:

Tổng số cổ phần dự kiến chào bán: 5.999.993 cổ phần

❖ Phát hành Cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2013 và năm 2014

- Số lượng cổ phiếu phát hành: **2.999.996 cổ phiếu;**
- Tỷ lệ thực hiện: 20% vốn điều lệ (Mỗi cổ đông sở hữu 05 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới);
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu lẻ do phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2013 và năm 2014 theo tỷ lệ 20% vốn điều lệ sẽ

được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền sẽ được huỷ bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng sở hữu 123 cổ phần, với tỷ lệ thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2013 và 2014 là 20%, số cổ phiếu mới mà Cổ đông A được nhận là $123 \times 20\% = 24,6$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn, Cổ đông A trên thực tế sẽ nhận được 24 cổ phiếu mới và 0,6 cổ phiếu lẻ sẽ được huỷ bỏ.

❖ **Chào bán Cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu**

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 2.999.997 cổ phiếu;
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện: 5:1 (mỗi Cổ đông sở hữu 05 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền, 01 quyền được mua 01 cổ phiếu mới)
- Phương án làm tròn, phương án xử lý số cổ phiếu lẻ: Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01NQ/ĐHĐCD/15 ngày 23 tháng 05 năm 2015, số cổ phiếu còn dư do làm tròn hoặc các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết số cổ phần chào bán theo tỷ lệ chào bán, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu.

Ví dụ: Cổ đông A có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng sở hữu 123 cổ phần, với tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu mới là 20%, số cổ phiếu mới mà Cổ đông A được quyền mua là $123 \times 20\% = 24,6$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn, Cổ đông A trên thực tế sẽ được quyền mua 24 cổ phiếu mới và 0,6 cổ phiếu lẻ sẽ được HĐQT tổng hợp lại và chào bán cho các đối tượng khác.

4. Giá chào bán dự kiến:

Cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá:

Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13NQ/HĐQT-15 ngày 07/09/2015, Hội đồng Quản trị đã xác định Giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu dựa trên cơ sở Giá trị sổ sách, Giá trị thị trường và đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành.

Phương pháp P/BV (Phương pháp giá trị sổ sách)

❖ **Cơ sở tính toán**

Hội đồng Quản trị đã xác định giá trị sổ sách của cổ phiếu HJS căn cứ vào Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất đã được soát xét năm 2015. Giá trị sổ sách một cổ phiếu tại thời điểm 30/06/2015 được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Trong đó:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành = Tổng số cổ phiếu đã phát hành – Số lượng cổ phiếu quỹ

Chỉ tiêu	Tại thời điểm 30/06/2015
Nguồn vốn chủ sở hữu (đồng)	214.033.810.085
Số lượng cổ phần	14.999.989
Giá trị sổ sách tại 30/06/2015 (đồng/cổ phần)	14.269

Tại thời điểm 30/06/2015, giá trị sổ sách của cổ phiếu HJS là **14.269** đồng/ cổ phiếu.

Phương pháp Giá trị thị trường

Giá trị thị trường bình quân từ ngày 30/06/2015 đến ngày 10/08/2015 (30 phiên giao dịch) là **13.190** đồng/cổ phần.

Đơn vị: đồng/ cổ phần

Ngày	Giá đóng cửa	Ngày	Giá đóng cửa	Ngày	Giá đóng cửa
30/06/2015	12.700	14/07/2015	13.300	28/07/2015	13.700
01/07/2015	12.700	15/07/2015	13.300	29/07/2015	13.700
02/07/2015	13.000	16/07/2015	12.500	30/07/2015	13.400
03/07/2015	13.200	17/07/2015	13.100	31/07/2015	13.800
06/07/2015	12.300	20/07/2015	13.100	03/08/2015	13.300
07/07/2015	13.000	21/07/2015	13.300	04/08/2015	13.200
08/07/2015	13.000	22/07/2015	13.200	05/08/2015	13.100
09/07/2015	13.000	23/07/2015	13.200	06/08/2015	13.500
10/07/2015	13.300	24/07/2015	13.200	07/08/2015	13.500
13/07/2015	13.300	27/07/2015	13.300	10/08/2015	13.500

(Nguồn: HNX)

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2013, 2014 và quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho Cổ đông hiện hữu, giá thị trường của cổ phiếu HJS sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(\text{ * })}{\%} = \frac{(\text{ * } \%)}{\%} = \mathbf{11.071 \text{ đồng/ cổ phiếu}}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2013, 2014 và quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành tăng vốn

- PRt-1 : Giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền (Giá định là 13.500 đồng/cổ phiếu)
- PR : Giá cổ phiếu phát hành thêm cho Cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/ cổ phiếu)
- a : Tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm cho Cổ đông hiện hữu (20%)
- b : Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2013 và năm 2014 (20%)

Như vậy:

Căn cứ trên Giá trị sổ sách của HJS tại thời điểm 30/06/2015 và Giá trị thị trường của cổ phiếu cũng như đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành, **Hội đồng Quản trị quyết định mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần.** Mức giá này vừa góp phần đảm bảo quyền lợi cho cổ đông hiện hữu của Công ty vừa tăng tính hấp dẫn và khả năng thành công của đợt chào bán.

6. Phương thức phân phối

Cổ phiếu được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền:

- ✓ Đối với các cổ đông đã lưu ký: phân phối thông qua các thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch chứng khoán;
- ✓ Đối với các cổ đông chưa lưu ký: phân phối tại trụ sở Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán sẽ được phân phối cho các đối tượng chào bán trong vòng 90 ngày kể từ ngày Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán của UBCKNN. Dự kiến trong quý III và quý IV năm 2015.

STT	Công việc	Thời gian	Thực hiện
1.	HJS nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng	T	HJS
2.	Công bố thông tin về đợt chào bán theo quy định	T+1	HJS
3.	Thông báo chốt danh sách cổ đông được quyền mua thêm và danh sách cổ đông được quyền nhận cổ tức năm 2013, 2014 bằng cổ phiếu	T+1	HJS, VSD, HNX
4.	Ngày giao dịch không hưởng quyền	T+9	
5.	Ngày Đăng ký cuối cùng	T+11	VSD
6.	Phối hợp với VSD Gửi danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu cho thành viên lưu ký và các Cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	T+15	VSD

7.	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phiếu	T+20 đến T+40	Cổ đông
8.	VSD gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào Tài khoản phong toả của HJS	T+45	VSD
9.	Phân bổ số cổ phiếu không đăng ký mua hết (nếu có)	T+45 đến T+50	HJS
10.	Báo cáo kết quả phát hành với UBCKN Nộp hồ sơ Đăng ký chứng khoán bổ sung và Đăng ký niêm yết bổ sung	T+51	HJS
11.	Nhận Giấy phép Lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	T+61	HJS
12.	Nhận được Giấy chứng nhận Niêm yết bổ sung, Công bố thông tin theo quy định, Cổ phiếu chào bán thêm chính thức giao dịch	T+70	HJS

8. Đăng ký mua cổ phiếu và phương thức thực hiện quyền

❖ Nguyên tắc

- Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng theo tỷ lệ thực hiện quyền là 5:1 (cổ đông sở hữu 05 cổ phần tại ngày chốt được quyền mua thêm 01 cổ phần mới).
- Thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ căn cứ vào thời gian cấp phép của UBCKNN để công bố chính thức thời hạn đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phần.
- Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 01 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phiếu.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không được mua hết: Số lượng cổ phiếu dôi ra do làm tròn và số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn theo giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

❖ Thủ tục đăng ký, nộp tiền và chuyển giao cổ phiếu

Bước 1: Xác định danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu

Công ty sẽ xác định ngày chốt danh sách cổ đông và phối hợp với VSD để tổng hợp danh sách cổ đông có quyền mua thêm cổ phiếu mới.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cổ phiếu

- Công ty phối hợp cùng VSD phân bổ và thông báo quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông thông qua các thành viên lưu ký. Các trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty có trách nhiệm thông báo phân bổ quyền trực tiếp đến từng cổ đông.

- Các cổ đông sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành theo tỷ lệ được mua đã quy định trong thời hạn được thông báo. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền tại các thành viên lưu ký đó hoặc tại trụ sở Công ty trong trường hợp chưa lưu ký.
- Trong thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu được thông báo, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận mức giá chuyển nhượng.
 - + *Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng đều đã lưu ký chứng khoán:*
 - ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng khác thành viên lưu ký: Việc đăng ký chuyển nhượng quyền mua chứng khoán được thực hiện tại Thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền. Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng kiểm tra việc sở hữu quyền của người chuyển nhượng quyền và xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua chứng khoán.
 - ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng thuộc cùng một thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua chứng khoán cho các bên liên quan và gửi thông báo Xác nhận quyền mua chứng khoán cho bên nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới chào bán thêm.
 - + *Bên chuyển nhượng hoặc bên nhận chuyển nhượng hoặc cả hai bên cùng chưa lưu ký chứng khoán:*
 - ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng đã lưu ký, bên nhận chuyển nhượng chưa lưu ký: Bên nhận chuyển nhượng tiến hành mở tài khoản chứng khoán và thực hiện chuyển nhượng.
 - ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng chưa lưu ký, bên nhận chuyển nhượng đã lưu ký: việc chuyển nhượng được thực hiện tại Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu.
 - ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng đều chưa lưu ký: việc chuyển nhượng được thực hiện tại Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu.
- Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu chào bán theo quyền mua trong thời gian thực hiện quyền. Kết thúc thời gian thực hiện quyền, các quyền mua không được thực hiện sẽ đương nhiên hết hiệu lực, cổ đông sở hữu quyền mua đó sẽ không nhận được bất cứ sự đền bù nào từ phía Công ty.

Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền

- Kết thúc thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phần, thành viên lưu ký lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền mua chứng khoán tại thành viên lưu ký và Danh sách cổ đông thực hiện quyền (mua chứng khoán phát hành thêm) sau 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện quyền.

- Đồng thời các thành viên lưu ký chuyển tiền thanh toán mua chứng khoán của nhà đầu tư vào tài khoản tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của VSD để VSD chuyển tiền vào Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

- VSD gửi báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký.
- Thành viên lưu ký hạch toán số chứng khoán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa niêm yết. Khi cổ phiếu được thông báo chính thức niêm yết, số chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại trụ sở Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu.

Bước 5: Tổng kết chào bán và đăng ký niêm yết bổ sung

- Kết thúc việc phân phối cổ phiếu, Công ty sẽ gửi Báo cáo chào bán cho UBCKNN.
- Sau khi nhận được chấp thuận kết quả chào bán, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung đối với cổ phiếu phát hành thêm.

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015, tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam được quy định như sau:

- Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế; Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó. Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%; Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;
- Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại các Điểm trên, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu không có quy định gì về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: cổ đông sở hữu Quyền mua cổ phiếu được phép chuyển nhượng, nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần trong thời gian quy định (không chuyển nhượng cho người thứ ba).

Chuyển nhượng cổ phần: toàn bộ số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số cổ phiếu còn dư do làm tròn hoặc do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết theo tỷ lệ chào bán sẽ được Hội đồng quản trị Công ty chào bán cho các đối tượng khác và sẽ bị hạn chế trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

11. Các loại thuế có liên quan

❖ Đối với Doanh nghiệp

Nhà máy Thủy điện Nậm Mu được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4211/BKH-PTDN ngày 11/07/2003 và theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thì: Nhà máy Thủy điện Nậm Mu được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2014 là năm thứ 11 Nhà máy được hưởng ưu đãi thuế suất 10% và là năm thứ 07 Nhà máy được giảm 50% thuế phải nộp.

Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần được UBND tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 102110000002 ngày 27/02/2007 và theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thì: Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm thứ 02 Nhà máy được giảm 50% thuế phải nộp.

❖ Đối với nhà đầu tư

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012 (có hiệu lực từ ngày 01/07/2013) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân có quy định:

- Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập cổ tức

Theo quy định trong Thông tư số 111/2013/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân” ban hành ngày 15/08/2013, nhà đầu tư sẽ phải đóng Thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ cổ tức. Khoản thu nhập này được xác định là thu nhập từ đầu tư vốn.

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = cổ tức nhận được * thuế suất 5%

- Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của Luật chứng khoán; thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của các cá nhân trong Công ty Cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp thuộc diện chịu Thuế thu nhập cá nhân.

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cách tính Thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế * Thuế suất 20%

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Cách tính thuế phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng * thuế suất 0,1%

Mọi trường hợp chuyển nhượng chứng khoán không phân biệt nộp thuế theo thuế suất 0,1% hay 20% đều phải khấu trừ thuế trước khi thanh toán cho người chuyển nhượng. Căn cứ để xác định số thuế khấu trừ là giá chuyển nhượng chưa trừ các khoản chi phí nhân với thuế suất 0,1% (Khi quyết toán thuế, cá nhân áp dụng thuế suất 20% được trừ số thuế đã tạm nộp theo thuế suất 0,1% trong năm tính thuế)

Ngoài ra, còn có các văn bản khác hướng dẫn cụ thể về chính sách thuế liên quan đến lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Các nhà đầu tư sẽ áp dụng các quy định gần nhất để tính và nộp thuế khi thực hiện hoạt động đầu tư.

Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua, bán cổ phiếu.

Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.

12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.

- Chủ tài khoản: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**
- Số tài khoản phong tỏa: **102010002306034**
- Tại: **Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hà Giang**

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Tính đến thời điểm 31/12/2014, nợ dài hạn đến hạn trả của HJS là 78.791.223.530 đồng, Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu xấp xỉ 2 lần; Lưu chuyển tiền thuần trong năm âm (-4.909.940.691 đồng). Năm 2015 và năm 2016 sẽ là nút thắt trong hoạt động của HJS do số tiền trả lãi và nợ gốc ngân hàng trong 02 năm này sẽ là cao nhất. Vì vậy, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 149.999.890.000 đồng lên 209.999.820.000 đồng (tăng 59.999.930.000 đồng) của Công ty nhằm mục đích:

- Tăng 14.999.980.000 đồng trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%
- Tăng 14.999.980.000 đồng trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%
- Tăng 29.999.970.000 đồng (20% vốn điều lệ) để bổ sung vốn lưu động, tăng cường năng lực tài chính của Công ty, cụ thể:

- + Tái cấu trúc toàn diện, trong năm 2015, Công ty sẽ tiến hành thoái vốn đầu tư ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện.
- + Hạ thấp hơn nữa tỷ lệ Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu nhằm mục đích an toàn và tự chủ nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, tránh các ảnh hưởng tiêu cực từ sự biến động của thị trường tài chính tiền tệ cũng như sự thay đổi các chính sách tài chính, tín dụng của Nhà nước.
- + Tái cơ cấu nguồn vốn, bổ sung vốn lưu động, tăng cường năng lực tài chính, phục vụ công tác sản xuất kinh doanh

2. Phương án khả thi

Tham khảo chi tiết tại mục VII.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Với tình hình giao dịch cổ phiếu hiện tại của Công ty, mức giá chào bán dự kiến là 10.000 đồng/ cổ phần sẽ đảm bảo cho đợt chào bán này có tỷ lệ thành công cao. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là **29.999.970.000 đồng**, phần lớn số tiền này sẽ được dùng để bổ sung nguồn vốn lưu động để tái cơ cấu các khoản nợ hạ thấp tỷ lệ Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu nhằm mục đích an toàn và tự chủ nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, tránh các ảnh hưởng tiêu cực từ sự biến động của thị trường tài chính tiền tệ cũng như sự thay đổi các chính sách tài chính, tín dụng của Nhà nước, cụ thể:

STT	Tên tổ chức	Số tiền	Ghi chú
1	Ngân hàng Bảo Việt bank - Sở giao dịch	7.710.000.000	Theo HĐTD số 109/2011.HĐTD-DN ngày 07/04/2011 và Phụ lục hợp đồng số 03 ngày 25/01/2013.
2	Quỹ Bảo vệ và phát triển Rừng Hà Giang	5.500.000.000	Theo Hợp đồng Ủy thác chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng số 01/2013/HĐUT-DVMTR ngày 01/07/2013 và Phụ lục hợp đồng số 01/2015/PL-HĐ ngày 01/07/2015.
3	Trả nợ tiền thuế	2.060.930.772	Theo Thông báo tiền thuế của Chi cục thuế huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang số 08/TB-CCT ngày 10/08/2015.
4	Trả nợ tiền BHXH, BHYT, BHTN	250.000.000	Theo Thông báo số 88B/TB-BHXH ngày 25/06/2015.
5	Công ty cổ phần Sông Đà 9	14.479.039.228	Theo Đối chiếu công nợ ngày 06/07/2015
Tổng cộng		29.999.970.000	

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHÀO BÁN

1. Tổ chức chào bán



Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu

Địa chỉ : Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

Điện thoại : (84-1) 9 827 276 Fax: (84-1) 9 827 276

Website : www.thuydiennammu.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán



Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Địa chỉ : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3 824 1990 Fax: (84-4) 3825 3973

Website : www.aasc.com.vn

3. Tổ chức tư vấn



Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

Địa chỉ : Tầng 5, số 30-32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3941 0277 Fax: (84-4) 3941 0323

Website : www.apsi.vn

IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II** : Bản sao hợp lệ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty
3. **Phụ lục III** : Báo cáo tài chính kiểm toán độc lập và hợp nhất năm 2013, 2014 và Báo cáo tài chính soát xét độc lập và hợp nhất 06 tháng đầu năm 2015
4. **Phụ lục IV** : Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua phương án chào bán cổ phiếu và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán
5. **Phụ lục V** : Nghị quyết của Hội đồng Quản trị thông qua Hồ sơ chào bán cổ phiếu
6. **Phụ lục VI** : Nghị quyết HĐQT thông qua Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu; Nguồn trả cổ tức bằng cổ phiếu; Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ của đợt chào bán và Chi tiết kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU



Hà Nội, ngày tháng 09 năm 2015

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU

Chủ tịch HĐQT

Giám đốc

Hà Ngọc Phiêm

Đỗ Văn Hà

Kế toán trưởng

Trưởng Ban Kiểm soát

Trần Thanh Hà

Quách Mạnh Hải

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT
Tổng Giám Đốc

Trần Thiên Hà